

Số: 21/BC-ĐĐBQH

Hung Yên, ngày 14 tháng 3 năm 2023

## BÁO CÁO

### Kết quả giám sát "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016-2021"

Kính gửi: Đoàn Giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện Nghị quyết số 23/2022/UBTVQH15 ngày 04/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội năm 2023; Kế hoạch số 355/KH-ĐGS ngày 28/10/2022 của Đoàn giám sát (ĐGS) Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giám sát chuyên đề "*Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016-2021*". Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hưng Yên đã ban hành Kế hoạch số 193/KH-ĐĐBQH ngày 13/12/2022 và triển khai nội dung giám sát chuyên đề "*Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016-2021*" trên địa bàn tỉnh và giám sát trực tiếp tại một số cơ quan, đơn vị, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hưng Yên báo cáo kết quả giám sát cụ thể như sau:

## PHẦN I

### TÌNH HÌNH BAN HÀNH CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG GIAI ĐOẠN 2016-2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

#### I. Đánh giá chung

Chính sách phát triển năng lượng liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực và được quy định ở các loại văn bản khác nhau như: năng lượng, môi trường, đầu tư, nông nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, nông nghiệp, khoa học công nghệ... Hoạt động trong lĩnh vực năng lượng chịu sự quản lý thống nhất của Nhà nước trên cơ sở thực thi Luật Điện lực, Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Dầu khí, Luật Khoáng sản, Luật Năng lượng nguyên tử, Luật Quy hoạch, các luật và nhiều văn bản dưới luật khác. Sau khi các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược quy hoạch, kế hoạch về phát triển năng lượng của Trung ương được ban hành, Tỉnh ủy Hưng Yên đã ban hành Kế hoạch số 251-KH/TU ngày 29/7/2020 về việc thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, UBND tỉnh Hưng Yên đã bám sát nội dung và đã ban hành các văn bản triển khai, tổ chức thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng. Các văn bản quy phạm pháp luật do tỉnh Hưng Yên ban hành trong lĩnh vực năng lượng đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất của văn bản với hệ thống pháp luật, đảm bảo đầy đủ, rõ ràng, kịp thời, có tính khả thi khi triển khai thực hiện và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh.

Thời gian ban hành, quá trình sửa đổi, bổ sung các Luật, Nghị định, Thông tư của các bộ, ngành, địa phương tương đối kịp thời tạo tiền đề, làm cơ sở để tỉnh Hưng Yên triển khai thực hiện có hiệu quả về phát triển năng lượng giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn tỉnh.

(Phụ lục 01 kèm theo)

## **II. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân**

Khi triển khai thực hiện còn gặp một số khó khăn, vướng mắc, cụ thể:

- Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 đã được ban hành, tuy nhiên đến nay vẫn chưa có Thông tư hướng dẫn về quản lý và sử dụng kinh phí cho các hoạt động thuộc chương trình Quốc gia sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030.

- Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc lập báo cáo, đơn vị sử dụng năng lượng trọng điểm trong thời hạn 01 năm kể từ ngày ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm có trách nhiệm hoàn thành lập báo cáo kiểm toán năng lượng. Nhưng việc ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm này thường được ban hành vào tháng 9, tháng 10, như vậy trong khoảng thời gian tương đối dài (từ 20 đến 22 tháng) cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm mới phải hoàn thành việc lập báo cáo kiểm toán năng lượng.

- Tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, các đơn vị sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm, thiết bị theo quy định phải thực hiện dán nhãn năng lượng trước khi đưa ra thị trường phải thực hiện đăng ký nhãn năng lượng. Việc đăng ký dán nhãn năng lượng của các đơn vị gửi Bộ Công Thương, các Sở Công Thương thường không nắm chắc vấn đề này, trong khi một số đơn vị không thực hiện việc báo cáo định kỳ về tình hình sản xuất, nhập khẩu phương tiện, thiết bị dán nhãn năng lượng, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý, hướng dẫn các đơn vị thực hiện các quy định về dán nhãn năng lượng.

- Bộ Công Thương đã ban hành các Thông tư quy định về định mức tiêu hao năng lượng trong các ngành sản xuất: Thép, Giấy, Nhựa, Bia và nước giải khát, chế biến thủy sản, sản xuất đường mía. Tuy nhiên, chưa có chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với các đơn vị có suất tiêu hao năng lượng vượt quá định mức tiêu hao năng lượng, dẫn đến, một số đơn vị còn chậm triển khai thực hiện để đảm bảo định mức tiêu hao năng lượng.

- Trong quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 đã đề xuất vị trí và hướng tuyến các công trình điện, đặc biệt là lưới điện 220kV, 110KV. Tuy nhiên khi các KCN, CCN, KĐT được quy hoạch sau có sự chùng lún lên quy hoạch điện dẫn đến khi triển khai công trình điện gặp khó khăn hướng tuyến và thỏa thuận hướng tuyến dẫn tới phải thay đổi

vị trí, chậm triển khai (ĐZ 110kV 4 mạch sau trạm 500kV Phố Nối,...). Do tỉnh Hưng Yên có mật độ dân cư cao (1.462 người/km<sup>2</sup>, xếp thứ 03 cả nước), nhiều KĐT, KCN, CCN và nhiều đường giao thông phát triển mới nên có sự chồng lấn giữa các Quy hoạch ngành; các KCN, CCN phát triển chủ yếu ở các địa phương phía Bắc tỉnh, nhiều khách hàng sử dụng điện mới có nhu cầu sử dụng điện công suất lớn dẫn tới lưới điện hiện trạng quá tải, nên phải thường xuyên điều chỉnh, bổ sung quy hoạch điện để phù hợp với yêu cầu thực tế.

### **III. Trách nhiệm của cơ quan, cá nhân có liên quan**

Với những khó khăn vướng mắc thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương, tỉnh Hưng Yên đã có văn bản đề xuất, kiến nghị đối với Bộ Công Thương; tuy nhiên, đến nay vẫn chưa được phản hồi và sửa đổi.

## **PHẦN II**

### **TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

#### **I. Kết quả đạt được**

##### **1. Về tình hình đầu tư phát triển, cung cầu và an ninh năng lượng**

##### **1.1. Về khả năng cung cấp năng lượng và việc nhập khẩu năng lượng**

*a) Đánh giá trữ lượng năng lượng hiện nay của địa phương để phục vụ cho việc huy động lập các dự án đầu tư phát triển trong quy hoạch*

- Trong những năm qua, các cấp uỷ đảng, chính quyền từ cấp tỉnh tới cơ sở tập trung chỉ đạo quán triệt và triển khai có hiệu quả chương trình phát triển năng lượng Việt Nam giai đoạn 2010-2020, chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Do đó, đã đạt được những kết quả nhất định, tình hình cung cấp năng lượng, đặc biệt là cung cấp điện năng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Trên địa bàn tỉnh sử dụng các loại năng lượng: điện, than, xăng, dầu, LPG, NPG,... Tổng tiêu thụ năng lượng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010-2015 là 3,23 triệu TOE/năm (*triệu tấn dầu tương đương/năm*), giai đoạn năm 2016-2021 là 5,58 triệu TOE/năm (*điện năng 3,73 triệu TOE, năng lượng khác 1,85 triệu TOE*), tăng trung bình khoảng 16 - 18%/năm.

- Về lĩnh vực điện năng: tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân giai đoạn 2010-2015 là 19,17%/năm. Năm 2010, tổng sản lượng điện thương phẩm là 1,15 tỷ kWh, đến năm 2015 tăng gấp 2,4 lần, đạt 2,74 tỷ kWh, tốc độ tăng bình quân cả giai đoạn 2010-2015 ở mức cao là 19,17%/năm. Giai đoạn 2016-2021, tốc độ tăng trưởng sản lượng điện năng thương phẩm tăng khoảng 10,85%; cơ cấu tiêu thụ điện, các thành phần phụ tải lần lượt có tỷ trọng: công nghiệp xây dựng - 75,30%; quản lý tiêu dùng - 21,19%; hoạt động khác - 1,28%; nông lâm ngư nghiệp - 1,14%; thương nghiệp dịch vụ - 1,1%. Năm 2021, sản lượng điện năng thương phẩm đạt 5,08 tỷ kWh tăng 2,04 lần so với năm 2015. Công suất cực đại (Pmax) toàn tỉnh năm 2021 đạt 875,25 MW, công suất trung bình 724,76 MW.

- Tỉnh Hưng Yên không có các nguồn điện phát của thủy điện, nhiệt điện, dự án điện gió, dự án điện mặt trời, dự án điện sinh khối, dự án điện rác. Trên địa bàn tỉnh đến nay có 420 tổ chức, cá nhân lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà với tổng công suất các tấm quang điện khoảng 40 MWp.

- Về nguồn cấp, lưới điện truyền tải: tỉnh Hưng Yên được cấp điện từ trạm 500kV Phố Nối (*công suất 600 + 900 MVA*) và các trạm 220kV Phố Nối (*công suất 2x250 MVA*), 220kV Kim Động (*công suất 2x250 MVA*), 220 kV Nối Cấp trong TBA 500 kV Phố Nối (*công suất 1x250 MVA*). Ngoài được cấp điện từ trạm 500kV Phố Nối, các trạm nguồn 220kV trên địa bàn tỉnh còn nhận điện từ hệ thống điện Quốc gia qua các đường dây mạch kép 220kV Thường Tín - Phố Nối và đường dây 220kV mạch kép Thường Tín - Kim Động - Thái Bình và nhà máy nhiệt điện Phả Lại, TBA 220 kV Hải Dương (*công suất 2x250 MVA*).

- Về hạ tầng xăng, dầu: tuyến đường ống dẫn xăng dầu đi qua địa bàn tỉnh do Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên (*thuộc Công ty Xăng dầu B12*) quản lý, có chức năng vận chuyển xăng dầu từ kho Hải Dương đi kho K133 Hà Nội và kho K135 Hà Nam. Tuyến đường ống đi qua địa bàn tỉnh Hưng Yên có chiều dài khoảng 60 km, gồm hai đường ống (*một đường ống dẫn xăng và một đường ống dẫn dầu*), đi qua 07 xã thuộc huyện Ân Thi (Bãi Sậy, Tân Phúc, Quang Vinh, Đào Dương, Vân Du, Xuân Trúc và Quảng Lãng) và 06 xã thuộc huyện Khoái Châu (*Việt Hòa, Phùng Hưng, Đại Hưng, Liên Khê, Chí Tân và Đại Tập*), tiếp theo đi qua sông Hồng sang Hà Nội. Sản lượng xăng, dầu tiêu thụ trong giai đoạn 2016-2021 đạt 1.533.248 m<sup>3</sup> (*tương đương 1.255.730 tấn, quy đổi ra TOE là 1.280.845 TOE-Tấn dầu tương đương quy đổi*).

*b) Đánh giá về khả năng cung cấp năng lượng đáp ứng nhu cầu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu sinh hoạt của nhân dân giai đoạn 2016-2021 và giai đoạn 2021-2025*

- Tình hình phát triển năng lượng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2021 đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng năng lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian qua. Giai đoạn 2016-2021, tình hình cung ứng điện ổn định, không xảy ra tình trạng phải ngừng, giảm mức cung cấp điện khi hệ thống điện thiếu nguồn điện. Giai đoạn 2021-2025, theo chỉ đạo của Chính phủ là phải đảm bảo an ninh năng lượng, đáp ứng đủ năng lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên cả nước nói chung, với cơ sở hạ tầng hiện nay và với quyết tâm cao trong chỉ đạo điều hành của tỉnh.

- Về khả năng cung cấp năng lượng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025:

+ Hiện nay, tỉnh có 15 KCN, trong đó có 07 KCN đang hoạt động, 08 KCN dự kiến đi vào hoạt động giai đoạn 2022-2025 và 26 CCN, 03 Khu đô thị lớn đang trong quá trình triển khai đầu tư đã đăng ký nhu cầu sử dụng ở giai đoạn 2022-2025. Sản lượng điện năng thương phẩm Quản lý tiêu dùng (*sinh hoạt của nhân dân*) năm 2021 đạt 1,06 tỷ kWh, chiếm 21% sản lượng điện năng thương phẩm. Dự kiến giai đoạn 2022-2025 và giai đoạn tiếp theo tiếp tục tăng

do tăng trưởng dân số cơ học tại các khu vực KCN, CCN, KĐT mới triển khai xây dựng và chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu của tỉnh, của các địa phương trong tỉnh. Sản lượng điện thương phẩm hàng năm luôn thực hiện đạt và vượt kế hoạch giao. Năm 2016 đạt 3,109 tỷ kWh, năm 2021 là 5,081 tỷ kWh, tổng sản lượng giai đoạn 2016-2021 đạt 24,2 tỷ kWh, tốc độ tăng trưởng bình quân là 10,32%.

Tốc độ tăng trưởng công suất đặt và điện thương phẩm giai đoạn 2016-2021

Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Pmax (MW)	585	633	751,1	756,65	857,5	1011
Tăng trưởng(%)	17,2	8,1	18,6	0,74	13,3	17,9
S đặt MBA (MVA)	951	1168	1420	1483	1609	1947
Tỷ lệ Pmax/Sđặt(%)	61,5	54,2	52,9	51,0	53,3	51,9
Điện thương phẩm(tr.kWh)	3.109	3.485	3.834	4.130	4.561	5.081

- Về hạ tầng lưới điện phân phối hiện nay: toàn tỉnh được cấp điện từ 33 đường dây 110kV, với 286,948 km và 18 trạm biến áp (TBA) 110kV với 34 máy biến áp (MBA) 110kV có tổng công suất đặt là 2.073 MVA (*trong đó có 01 TBA/03 MBA 3x63MVA là tài sản khách hàng KCN Thăng Long 2 đầu tư và quản lý vận hành*). Ngoài ra, còn được cấp điện từ các đường dây 110 kV Phố Cao - Hải Dương, Phố Nối - Sài Đồng, trong thời gian tới được cấp điện qua Phố Cao - Hưng Hà (*Thái Bình*). Năm 2023, được cấp thêm điện từ các Đường dây 110 kV và TBA 110 kV: Khoái Châu 2, Lý Thường Kiệt, Lý Thường Kiệt 2, Ngọc Long, Nhân Hòa. Tất cả các TBA 110kV đều có thể cấp điện từ 2 đến 3 đường dây 110kV nên rất linh hoạt trong cung cấp điện phục vụ đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Với công suất cực đại -  $P_{Max}$  của tỉnh năm 2021 là 1.011MW, công suất đặt -  $S_{MBA}$  hiện nay là 1.947 MW, tỷ lệ  $P_{Max}/S_{MBA}$  là 51,9%. Như vậy, về hạ tầng điện sẽ đáp ứng được nhu cầu sử dụng điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới.

- Về hạ tầng xăng, dầu: trên địa bàn tỉnh có 190 cửa hàng kinh doanh xăng, dầu đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu; 01 kho xăng dầu có tổng dung tích 3.600m<sup>3</sup>. Hệ thống các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh đã đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ xăng dầu của các ngành sản xuất và các phương tiện vận tải trên địa bàn tỉnh.

- Về năng lượng tái tạo: trên địa bàn tỉnh không quy hoạch các dự án điện gió, điện mặt trời trong quy hoạch phát triển điện lực tỉnh giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035. Trên địa bàn tỉnh hiện có khoảng 420 tổ chức, cá nhân lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà với tổng công suất các tấm quang điện là 40MWp, trong đó Công ty Điện lực Hưng Yên (*PC Hưng Yên*) đã thực hiện thủ tục đấu nối và ký kết 378 hợp đồng mua bán điện mặt trời mái nhà (ĐMTMN) với tổng công suất lắp đặt là 26.404,66 kWp và ký 30 hợp đồng mua điện với chủ đầu tư có công suất từ 100 kWp trở lên. Hiện nay, tỉnh đang triển khai xây

dựng Đề án điện mặt trời mái nhà trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong thời gian tới, theo dự thảo Đề án, tiềm năng lý thuyết điện mặt trời mái nhà là 77.516 MWp (tương đương 62.013 MW), sản lượng điện năng phát ra trung bình trong một năm dự kiến là 84.415.378 kWh/năm.

*c) Đánh giá trữ lượng của các dạng năng lượng tái tạo có trong quy hoạch điện và hiện đang vận hành nhưng không có trong quy hoạch*

Quy hoạch tỉnh Hưng Yên không có dự án điện gió, dự án điện mặt trời, dự án điện sinh khối; quy hoạch đối với điện rác khoảng 30 MW.

*d) Về sản lượng năng lượng sản xuất và nhập khẩu; phát triển nguồn năng lượng tự cung, tự cấp đáp ứng yêu cầu về kinh tế bền vững*

Tỉnh Hưng Yên không nhập khẩu năng lượng điện. Đến nay, trên địa bàn có 420 tổ chức, cá nhân lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà với tổng công suất các tấm quang điện khoảng 40 MWp. Trong thời gian tới, theo dự thảo Đề án Phát triển điện mặt trời mái nhà trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tiềm năng lý thuyết điện mặt trời mái nhà là 77.516 MWp (tương đương 62.013 MW), sản lượng điện năng phát ra trung bình trong một năm dự kiến là 84.415.378 kWh/năm.

*e) Về năng lượng nguyên tử*

Trên địa bàn tỉnh chưa có định hướng phát triển trong tương lai về năng lượng nguyên tử. Việc khai thác khoáng sản phóng xạ (urani và torin) tại địa phương: không có.

*g) Cơ chế dự phòng, dự trữ năng lượng, an ninh, an toàn năng lượng*

Về tỷ lệ dự phòng (*tỷ lệ bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia*), sự thay đổi lớn trong nguồn điện tái tạo khiến tỷ lệ điện năng lượng tái tạo tăng, tuy nhiên đây là nguồn năng lượng phụ thuộc vào điều kiện thời tiết, điện mặt trời chỉ phát vào ban ngày và đạt đỉnh vào giữa trưa, sau đó xuống nhanh đến gần bằng không dẫn đến tỷ lệ điện mặt trời càng cao, khả năng dự phòng của lưới điện càng kém.

Công nghệ lưu trữ năng lượng đang phụ thuộc vào việc thương mại hóa công nghệ sản xuất hydrogen, amoniac hay lưu trữ điện với giá thành chấp nhận được, tuy nhiên các công nghệ này chưa đủ tính cạnh tranh về thương mại vì giá đắt.

## **1.2. Về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả**

*a) Đánh giá cả phía cung (hiệu suất các cơ sở sản xuất năng lượng) và phía cầu theo ngành, lĩnh vực*

Trong những năm vừa qua, trên địa bàn tỉnh đã đảm bảo đủ nguồn điện phục vụ phát triển kinh tế xã hội và nhu cầu sử dụng thiết yếu của nhân dân, không phải tiết giảm do thiếu điện.

Hệ thống lưới điện khu vực từng bước được đầu tư nâng cấp và cải tạo đáp ứng nhu cầu phát triển của phụ tải. Một số đường dây trung áp đầy quá tải đã được đầu tư cải tạo kịp thời, đảm bảo an toàn vận hành và chất lượng điện năng cung cấp cho phụ tải (*các đường dây mạch vòng trung áp*) và xây dựng thêm các TBA phân phối để chống quá tải lưới điện cho khu vực các huyện, thị xã, thành phố.

*b) Về cường độ năng lượng hiện nay của tỉnh; hệ số đàn hồi điện - tỷ lệ tốc độ tăng trưởng điện so với tốc độ tăng GRDP đến năm 2021 và dự kiến đến năm 2030, đến năm 2050*

- Giai đoạn 2010-2015, hệ số đàn hồi trung bình giữa điện với tỷ lệ tốc độ tăng trưởng điện so với tốc độ tăng GRDP là 2,26 (*Tốc độ tăng trưởng điện năng /GRDP*); *cường độ năng lượng hiện của tỉnh là 1.992 (kgOE/1000USD)*.

- Giai đoạn 2016-2021, hệ số đàn hồi trung bình giữa điện với tỷ lệ tốc độ tăng trưởng điện so với tốc độ tăng GRDP là 1,41 (*Tốc độ tăng trưởng điện năng /GRDP*); *cường độ năng lượng hiện của tỉnh là 1.509 (kgOE/1000USD)*.

\* Giai đoạn 2010-2015

Năm	Tổng sản phẩm (GRDP)			Điện		Tổng năng lượng sử dụng (TOE)	Hệ số đàn hồi (Tốc độ tăng trưởng điện năng /GRDP)	Cường độ năng lượng (kgOE/1000USD)
	Đơn vị (triệu đồng)	Đơn vị (1.000 USD)	Chỉ số tăng thêm (%)	Sản lượng (tỷ kWh)	Tốc độ tăng trưởng (%)			
2010	3.357.175	172.163	9.91	1.147	10.85	402.563	1.09	2.338
2011	4.218.494	204.781	9.39	1.29	12.4	427.631	1.32	2.088
2012	4.612.320	221.448	7.88	1.512	17.21	467.118	2.18	2.109
2013	6.067.947	291.098	6.85	1.975	30.68	549.128	4.48	1.886
2014	7.241.383	340.835	7.84	2.305	16.69	601.336	2.13	1.764
2015	8.275.764	385.673	8.08	2.74	18.88	681.323	2.34	1.767
Tổng	33.773.083	1.615.998	8.33	10.97	21.34	3.129.099	2.26	1.992

\* Giai đoạn 2016-2021

Năm	Tổng sản phẩm (GRDP)			Điện		Tổng năng lượng sử dụng (TOE)	Hệ số đàn hồi (Tốc độ tăng trưởng điện năng /GRDP)	Cường độ năng lượng (kgOE/1000USD)
	Đơn vị (triệu đồng)	Đơn vị (1.000 USD)	Chỉ số tăng thêm (%)	Sản lượng (tỷ kWh)	Tốc độ tăng trưởng (%)			
2016	9.504.037	426.190	7.94	3.109	13.44	748.605	1.69	1.757
2017	2.079.883	531.334	8.65	3.485	12.11	819.154	1.40	1.542
2018	13.329.021	573.415	9.33	3.834	10.28	87.037	1.10	1.547
2019	16.126.376	694.205	9.57	4.131	7.75	988.444	0.81	1.424
2020	16.554.369	713.089	6.13	4.561	10.44	1.057.127	1.70	1.482
2021	19.037.000	830.585	6.52	5.08	11.39	1.081.831	1.75	1.302
Tổng	86.630.686	3.768.817	8.02	24.20	13.08	5.582.198	1.41	1.509

*Ghi chú:* tổng sản phẩm GRDP đã quy đổi ra Đô la mỹ tại thời điểm từng năm; tổng GRDP được lấy từ số liệu Niên giám thống kê của tỉnh theo từng năm.

- Theo dự thảo Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm giai đoạn 2021-2025 là 11,0%, giai đoạn 2026-2030 là 9,9%; các giai đoạn 2031-2035; 2036-2040; 2041-2045 và 2046-2050 lần lượt là 7,3%, 4,5%, 2,9% và 2,1%. Điện thương phẩm toàn tỉnh Hưng Yên đến 2025 là 7,67 tỷ kWh, đến 2030 là 12,27 tỷ kWh và đến 2050 là 27,33 tỷ kWh. Nhu cầu công suất tỉnh đến 2025 là 1.450 MW, 2030 là 2.260 MW và 2050 là 4.140 MW. Do đó, giai đoạn đến năm 2030 và 2050 hệ số đàn hồi trung bình giữa điện với tỷ lệ tốc độ tăng trưởng điện so với tốc độ tăng GRDP và cường độ năng lượng hiện của tỉnh là giảm dần do tốc độ tăng trưởng điện năng thương phẩm giảm.

*c) Về tổn thất điện năng trong quá trình truyền tải điện hiện nay*

Năm	Tỷ lệ tổn thất (%)	Điện năng tổn thất (kWh)
2016	5,60	171.239.779
2017	4,50	153.212.831
2018	4,10	154.108.144
2019	3,95	162.938.546
2020	3,46	160.217.802
2021	3,24	179.988.394
Trung bình	4,14	981.705.496



Giai đoạn 2016-2021, tổn thất truyền tải trung bình là 4,14%, tổng điện năng tổn thất là 981.705.496 kWh. Tỷ lệ tổn thất điện năng luôn thực hiện thấp hơn kế hoạch được giao và giảm dần qua các năm; năm 2016 tỷ lệ tổn thất là 5,6%, đến năm 2021 giảm còn 3,24%.

*d) Về các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về tiêu hao năng lượng trong các tòa nhà; quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá trong phát triển vật liệu xanh, công trình xanh, công trình sử dụng năng lượng hiệu quả*

Tỉnh Hưng Yên không thực hiện ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về tiêu hao năng lượng trong các tòa nhà; quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá trong phát triển vật liệu xanh, công trình xanh, công trình sử dụng năng lượng hiệu quả để thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả mà áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức của quốc gia và các Bộ, ngành đã ban hành.

*e) Về việc bảo đảm yêu cầu sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường đối với các nhà máy sử dụng năng lượng trọng điểm như sắt, thép, xi măng, thực phẩm, đối với lĩnh vực giao thông, vận tải*

Giai đoạn 2016-2021, trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có từ 60 đến 96 cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm. Năm 2021, có 96 cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm, các đơn vị này sử dụng năng lượng điện với tổng sản lượng điện năng tiêu thụ là 9.716.904.000 kWh, chiếm 39,59% tổng điện năng tiêu thụ trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2016-2021.

STT	Số cơ sở trọng điểm	Tổng điện năng sử dụng	Điện năng thương phẩm (kWh)	Chiếm tỷ lệ % so với sản lượng điện năng thương phẩm của tỉnh
2016	60	1.170.735.000	3.109.000.000	38
2017	63	1.293.353.000	3.485.000.000	37
2018	73	1.385.062.000	3.834.000.000	36
2019	82	1.587.488.000	4.131.000.000	38
2020	85	1.780.580.000	4.561.000.000	39
2021	96	2.499.686.000	5.080.000.000	49
Giai đoạn 2016-2021	77	9.716.904.000	24.200.000.000	39,59

Với các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm, tỉnh Hưng Yên đặc biệt quan tâm, yêu cầu sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường thực hiện theo các quy định của Bộ, ngành Trung ương. Các đơn vị cơ bản thực hiện đảm bảo quy định.

g) Về việc xây dựng chỉ tiêu tiết kiệm năng lượng của từng tỉnh, thành phố và việc đưa chỉ tiêu này vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Tỉnh không xây dựng chỉ tiêu tiết kiệm năng lượng của tỉnh, mà căn cứ vào Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả; Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả; các văn bản chỉ đạo của các Bộ, ngành Trung ương về tiết kiệm điện.

h) Về việc tuyên truyền, vận động, định hướng doanh nghiệp chuyển đổi thiết bị, công nghệ từ sử dụng năng lượng than sang sử dụng năng lượng sạch

Đa phần các đơn vị sử dụng năng lượng điện, đơn vị sử dụng than chiếm tỷ lệ rất nhỏ, chủ yếu sử dụng than để gia nhiệt cho sản xuất hơi, các dây chuyền công nghệ sử dụng than để sản xuất ra sản phẩm không có, đã chuyển đổi từ sử dụng than sang sử dụng năng lượng điện, LPG và một phần nhỏ sử dụng dầu, xăng.

i) Về việc chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện giai đoạn 2018-2020, có xét đến năm 2030 và Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 trên địa bàn tỉnh

- Công tác chỉ đạo thực hiện: tổ chức triển khai thực hiện Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 17/6/2010; Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030; Quyết định 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030. UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch: số 49/KH-UBND ngày 28/3/2016 về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2016-2020; số 48/KH-UBND ngày 04/4/2020 thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2030; số 119/KH-UBND ngày 22/9/2020 thực hiện Kế hoạch số 251-KH/TU ngày 29/7/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 139/KH-UBND ngày 12/11/2020 thực hiện Quyết định 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030; số 143/KH-UBND ngày 13/11/2020 thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025. Hiện nay, UBND tỉnh đã giao Sở Công Thương xây dựng Đề án Phát triển điện mặt trời mái nhà trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Công tác tuyên truyền: trong những năm vừa qua công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày càng được củng cố, hoàn thiện từ Trung ương đến địa phương phù hợp với

nhu cầu phát triển của xã hội. Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là một nhiệm vụ rất quan trọng, là bước đầu tiên trong việc đưa chính sách pháp luật đến với các tổ chức, cá nhân, đơn vị trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, đơn vị tiếp cận thông tin, hành lang pháp lý về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Nhận thức sâu sắc được tầm quan trọng của việc tuyên truyền, phổ biến hệ thống văn bản pháp luật lĩnh vực điện lực tới toàn thể người dân, tổ chức. Trong những năm qua, tỉnh đã luôn quan tâm, bố trí kinh phí hoạt động cho công tác tuyên truyền, cụ thể như: phóng sự truyền hình, các bài báo, các lớp tập huấn, hội thảo, Hội nghị Báo cáo viên cấp tỉnh...

Các cơ quan, công sở trên địa bàn tỉnh đã phổ biến, quán triệt thực hiện nghiêm Chi thị số 34/CT-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện; Chi thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025 tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Ban hành văn bản chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm các quy định về tiết kiệm điện. Việc thay thế, lắp mới các thiết bị được các đơn vị quan tâm thực hiện theo quy định tại Quyết định số 68/2011/QĐ-TTg ngày 12/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ; sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng và được dán nhãn năng lượng theo quy định tại Quyết định số 04/2017/QĐ-TTg ngày 09/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định danh mục, phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng, áp dụng mức hiệu suất năng lượng và lộ trình thực hiện.

Nhìn chung, việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn đã được các cấp ủy đảng, chính quyền, các Sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp và Nhân dân trên địa bàn tỉnh quan tâm thực hiện. Trong những năm gần đây nhu cầu sử dụng điện của khu vực dân cư ngày càng cao do sự gia tăng dân số và khả năng tiếp cận điện năng ngày càng trở nên dễ dàng. Đặc biệt nhu cầu sử dụng điều hòa không khí và sự chuyển dịch đun nấu từ đốt nhiên liệu than, củi, LPG sang dùng điện ngày càng nhiều, cùng với nhiều các tiện ích sử dụng điện phát sinh khác cho thấy mức sống được cải thiện. Bên cạnh đó các khu, cụm công nghiệp, các khu đô thị phát triển nhanh dẫn đến việc sử dụng điện ngày càng lớn. Để việc quản lý nhu cầu điện giai đoạn 2018-2020, có xét đến năm 2030 và Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 trên địa bàn tỉnh đạt kết quả tốt, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt phương án cung ứng điện hàng năm; các Kế hoạch sau: số 48/KH-UBND ngày 04/4/2020 thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2030; số 143/KH-UBND ngày 13/11/2020 thực hiện Chi thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025, trong đó đưa ra các tiêu chí cụ thể đối với từng ngành, lĩnh vực, đơn vị cần phải thực hiện.

### **1.3. Về xử lý các dự án năng lượng chậm tiến độ, gặp khó khăn, vướng mắc**

Trên địa bàn tỉnh, không có các dự án nguồn điện, chỉ chủ yếu là các dự án truyền tải, phân phối. Trong quá trình triển khai thực hiện các dự án năng lượng có những dự án gặp khó khăn, vướng mắc do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan; tuy nhiên, UBND tỉnh đã phối hợp với ngành điện và kịp thời chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương giải quyết, tháo gỡ.

Việc đưa vào vận hành đúng tiến độ một số dự án trọng điểm: TBA 110 kV Minh Hải (02 MBA 63MVA); Văn Giang 2 (01 MBA 63MVA); cải tạo đường dây 110 kV từ 220 kV Kim Động đi Phố Cao từ mạch đơn lên mạch kép; nâng cao năng lực truyền tải nhánh rẽ 110 kV thành phố Hưng Yên và các xuất tuyến 22,35 kV sau các TBA 110 kV: Thành phố, Minh Hải, Minh Đức, Khoái Châu, Văn Giang, Văn Giang 2, Kim Động và Tân Quang đã cấp điện kịp thời, ổn định cho các doanh nghiệp, đặc biệt tại các CCN dọc tỉnh lộ ĐT.379, KCN Phố Nối A, Phố Nối B, Minh Đức, Minh Quang, Tân Quang góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu phát triển kinh tế của tỉnh theo hướng Công nghiệp - Xây dựng.

## **2. Về nội dung phát triển năng lượng trong quy hoạch tỉnh**

- Quy hoạch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang trình các Bộ, Ngành Trung ương thẩm định, báo cáo Chính phủ phê duyệt, trong đó có phân ngành phát triển năng lượng. Tuy nhiên, Quy hoạch tỉnh lập, phê duyệt chậm so với kế hoạch có ảnh hưởng không nhỏ cho đầu tư xây dựng công trình năng lượng nói chung, điện lực nói riêng trong giai đoạn 2021-2030.

- Theo Quy hoạch, tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm giai đoạn 2021-2025 là 11,0%, giai đoạn 2026-2030 là 9,9%; các giai đoạn 2031-2035; 2036-2040; 2041-2045 và 2046-2050 lần lượt là 7,3%, 4,5%, 2,9% và 2,1%. Điện thương phẩm toàn tỉnh Hưng Yên đến 2025 là 7,67 tỷ kWh, đến 2030 là 12,27 tỷ kWh và đến 2050 là 27,33 tỷ kWh. Nhu cầu công suất tỉnh Hưng Yên đến 2025 là 1.450 MW; đến năm 2030 là 2.260 MW; đến năm 2050 là 4.140 MW.

- Danh mục các công trình điện được đầu tư trong giai đoạn tới (*Phụ lục 2 kèm theo*).

Với cơ sở hạ tầng năng lượng như hiện nay và theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Hưng Yên sẽ đáp ứng được nhu cầu về năng lượng cho phát triển kinh tế - xã hội.

## **3. Về chuyển dịch năng lượng và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu**

Từ năm 2016 đến năm 2021, trên địa bàn tỉnh đã phê duyệt 06 báo cáo đánh giá tác động cho các dự án về đường dây và trạm biến áp truyền tải điện; không có dự án phát triển năng lượng tái tạo (*điện mặt trời, điện rác,...*). Năm 2019, triển khai dự án thử nghiệm xử lý chất thải rắn bằng phương pháp khí hóa thiếu ô-xi tạo ra khí tổng hợp làm nhiên liệu chạy máy phát điện - công nghệ Điện rác - WTE trong Khu xử lý chất thải rắn thành phố Hưng Yên.

Các loại nghề công - nông nghiệp có phát sinh chất thải rắn, nước thải, khí thải phải đáp ứng quy định của pháp luật và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ; QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại; QCĐP 01:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt; QCĐP 02:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp.

- Về quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với tro, xỉ và vật liệu xây dựng từ tro xỉ: UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở ban, ngành, địa phương phổ biến, quán triệt đến các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh về các quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với tro, xỉ và vật liệu xây dựng từ tro xỉ, cụ thể:

+ Đối với tro, xỉ: triển khai phổ biến các Tiêu chuẩn quốc gia: Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6882:2016 Phụ khoáng cho xi măng; Tiêu chuẩn quốc gia TCVN10302:2014 Phụ gia hoạt tính tro bay dùng cho bê tông, vữa và xi măng; Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8825:2011 Phụ gia khoáng cho bê tông đầm lăn; Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12249:2018 Tro xỉ nhiệt điện làm vật liệu san lấp – Yêu cầu chung; Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10379:2014 Gia cố đất bằng chất kết dính vô cơ, hóa chất hoặc gia cố tổng hợp sử dụng trong công trình đường bộ - Thi công và nghiệm thu; Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7570:2006 Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật; Hướng dẫn sử dụng tro bay trong bê tông công trình thủy lợi và đê điều ban hành tại Quyết định số 3986/QĐ-BNN-XD ngày 12/10/2018.

+ Đối với thạch cao: Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9807: 2013 Thạch cao để sản xuất xi măng.

*(Phụ lục 3 kèm theo)*

- Thu gom xử lý chất thải, tấm quang điện hết hạn sử dụng trong sản xuất năng lượng mặt trời: không có đơn vị sản xuất tấm quang điện năng lượng mặt trời trên địa bàn tỉnh. Một số đơn vị sản xuất sử dụng tấm quang điện, khi tấm quang điện năng lượng mặt trời hết hạn sử dụng thì việc quản lý, thu gom, xử lý chất thải này theo quy định về xử lý chất thải nguy hại ngành điện tử. Chưa có đơn vị nào được cấp giấy phép để xử lý chất thải nguy hại Solar cell - tế bào quang điện.

#### **4. Về khoa học, công nghệ trong phát triển năng lượng**

- Về cơ chế, chính sách thu hút đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường trong phát triển năng lượng: tỉnh khuyến khích kêu gọi nhà đầu tư thực hiện các dự án xử lý chất thải có công nghệ tiên tiến, hiện

đại, giảm thiểu thấp nhất nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân dân, xử lý đốt tận thu nhiệt, thu hồi năng lượng. Năm 2018, tỉnh đã hỗ trợ Công ty TNHH Sa Mạc Xanh triển khai dự án thử nghiệm xử lý rác thải bằng công nghệ Điện rác - WTE trong Khu xử lý chất thải rắn thành phố Hưng Yên với công suất xử lý 100 tấn rác thải sinh hoạt/ngày. Hỗ trợ tối đa doanh nghiệp khởi nghiệp, sớm đưa công nghệ khí hóa rác vào hoạt động thương mại, đầu tư dự án khu xử lý theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ đối với 17 dự án và cấp Giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ cho 02 dự án. Thông qua hoạt động chuyển giao công nghệ trong các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, trình độ công nghệ sản xuất trong tỉnh đã được nâng cao rõ rệt so với trước, đặc biệt trong một số ngành như: cơ khí, điện - điện tử, chế biến thực phẩm, sản xuất thức ăn chăn nuôi...

- Tích cực tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết số 52-NQ/TU ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư cho tất cả cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh bằng nhiều hình thức như in sao văn bản, đăng tải trên Công thông tin điện tử của sở. Ban hành cơ chế, chính sách có liên quan tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư như: Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 18/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 27/4/2021 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 18/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 295/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nội dung và mức chi thực hiện đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên thực hiện Quyết định số 169/QĐ-TTg ngày 04/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ vũ trụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Triển khai xây dựng và hoàn thiện lưới điện thông minh trên địa bàn tỉnh, khai thác cơ sở dữ liệu về quản lý nhu cầu năng lượng; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số trong quản lý, giám sát quá trình phát, truyền tải, phân phối, tiêu thụ năng lượng. Thúc đẩy phát triển hạ tầng dữ liệu lưới điện thành phố trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) phù hợp với Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Năm 2020, nghiên cứu thành công đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh về Nghiên cứu, ứng dụng hệ thống pin năng lượng mặt trời cấp điện cho tòa nhà công sở tỉnh Hưng Yên, được Hội đồng khoa học cấp tỉnh đánh giá đạt chất lượng cao, có tính ứng dụng rộng rãi trên địa bàn tỉnh và trong thực tế.

## **5. Về quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng**

### **5.1. Mô hình tổ chức quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng**

UBND tỉnh giao Sở Công thương Hưng Yên là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Hưng Yên thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về công thương, bao gồm các ngành và lĩnh vực điện, năng lượng mới, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả,....

Cơ cấu tổ chức của Sở gồm: Lãnh đạo Sở (*Giám đốc, 03 Phó Giám đốc*), 06 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Văn phòng Sở; Thanh tra Sở; Kế hoạch - Tài chính, Tổng hợp; Quản lý Công nghiệp; Quản lý Thương mại; Quản lý năng lượng và 01 đơn vị trực thuộc Sở là Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại (*Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương*). Sở Công thương Hưng Yên được giao 36 biên chế, trong đó Phòng Quản lý năng lượng có 04 cán bộ, công chức. Số lượng cán bộ, công chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về năng lượng ít, lĩnh vực quản lý rộng, khối lượng công việc nhiều dẫn đến công tác quản lý gặp nhiều khó khăn.

- UBND huyện, thị xã, thành phố giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng là cơ quan đầu mối thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực năng lượng trên địa bàn cấp huyện. Các huyện bố trí từ 01 đến 02 biên chế phụ trách cả ngành Công Thương trong đó có lĩnh vực năng lượng.

### **5.2. Cơ chế phối hợp giữa Trung ương và địa phương, giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong phát triển năng lượng. Phân công, phân cấp trong quản lý nhà nước về năng lượng nói chung và từng lĩnh vực năng lượng nói riêng**

Trên Trung ương là Bộ Công Thương, các Cục Điều tiết điện lực, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường, Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, Vụ Khoa học và Công nghệ, ... thực hiện chức năng quản lý nhà nước về năng lượng trên địa bàn toàn quốc. Sự phối hợp giữa các địa phương và các bộ, ngành tương đối chặt chẽ, bảo đảm cơ chế giám sát của cơ quan nhà nước và xã hội trong lĩnh vực phát triển năng lượng khu vực. Tuy nhiên, cần quan tâm hơn nữa đến vấn đề quy hoạch phát triển năng lượng để đồng bộ thống nhất cùng với việc phát triển các khu vực kinh tế; xem xét, phân cấp, phân quyền cho địa phương trong một số lĩnh vực như: cấp Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối, bán lẻ điện đến 110 kV và tư vấn thiết kế, giám sát công trình điện đến 110 kV, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đến 110 kV.

### **5.3 Công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm**

Công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm: giai đoạn 2016-2021, tổng số đơn vị được thanh tra, kiểm tra liên quan đến lĩnh vực năng lượng, xăng dầu, LPG là 243 đơn vị, phát hiện xử phạt vi phạm hành chính 22 đơn vị, với số tiền nộp ngân sách là 431,5 triệu đồng, cụ thể:

- Lĩnh vực xăng dầu, LPG: thanh tra, kiểm tra 203 đơn vị. Xử phạt vi phạm hành chính 17 doanh nghiệp, với tổng số tiền nộp ngân sách là 243 triệu đồng (*trong đó, ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính 01 doanh nghiệp, số tiền nộp ngân sách là: 170 triệu đồng*).

- Lĩnh vực điện lực và sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả: thanh tra 40 đơn vị (*07 đơn vị bán buôn, bán lẻ điện; 33 đơn vị sử dụng năng lượng*), xử phạt vi phạm hành chính 05 đơn vị với số tiền nộp ngân sách là 188,5 triệu.

## **6. Về cơ chế đầu tư, kinh doanh phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh, giá cả thị trường năng lượng, cơ chế dự trữ, dự phòng năng lượng**

**6.1. Về việc triển khai xây dựng thị trường năng lượng cạnh tranh; sự liên kết giữa các thị trường của các phân ngành năng lượng. Tình hình triển khai xây dựng khung pháp lý và cơ chế thực hiện thị trường năng lượng cạnh tranh. Năng lực cạnh tranh của các ngành năng lượng hiện nay**

- Trên địa bàn tỉnh việc sử dụng năng lượng điện chiếm tỷ trọng lớn nhất so với các dạng năng lượng khác, không có các dự án nguồn phát điện nên tỉnh Hưng Yên chưa có thị trường phát điện, phân phối, bán lẻ điện cạnh tranh. Hiện nay, trong tổng số 161 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh có 154 xã, phường, thị trấn (*132 xã, 14 phường, 8 thị trấn*), PC Hưng Yên đang quản lý bán điện trực tiếp đến hộ dân (*trừ 07 xã chưa bàn giao LĐHANT do các tổ chức điện nông thôn quản lý bán điện*), ngoài ra có 09 đơn vị bán lẻ điện cho 07 khu vực nông thôn, 01 khu đô thị Ecopak và 02 khu công nghiệp Yên Mỹ và Yên Mỹ II.

- Về xăng, dầu: có 190 cửa hàng kinh doanh xăng, dầu; có 03 thương nhân phân phối kinh doanh trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tính cạnh tranh.

**6.2. Về tình hình xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật về giá, thuế, phí và các vấn đề liên quan. Tính hợp lý về giá thành phù hợp với cơ chế thị trường định hướng XHCH**

Tỉnh Hưng Yên hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn cung cấp điện từ hệ thống điện quốc gia, không có nguồn cấp từ các nhà máy phát điện độc lập nên không xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật về giá, thuế, phí và các vấn đề liên quan về giá thành thực hiện, áp dụng theo chỉ đạo, quy định của Trung ương.

**6.3. Vốn đầu tư cho sản xuất điện năng; tỷ lệ cơ cấu về sở hữu vốn đầu tư sản xuất điện**

- Vốn đầu tư cho nguồn điện, lưới điện trên địa bàn tỉnh của Công ty Điện lực Hưng Yên được Tổng Công ty Điện lực miền Bắc cấp trên cơ sở các danh mục và kế hoạch vốn giao hàng năm, bao gồm vốn vay tín dụng ngân hàng, khấu hao cơ bản và nguồn vốn ODA.

Tỷ lệ cơ cấu về sở hữu vốn đầu tư có xu hướng giảm trong giai đoạn 2016-2021; từ 40,85% năm 2016 còn 28,16% năm 2021 do Tổng Công ty bố trí nguồn vốn khấu hao giảm qua các năm. Trong giai đoạn năm 2016-2021, ngành điện đã triển khai thực hiện 256 dự án với tổng mức đầu tư khoảng 2.808,2 tỷ đồng, với khối lượng: thực hiện 04 dự án 110 kV với tổng công suất đặt là 3x63.000 kVA; 26,3 km ĐZ 110 kV; xây dựng mới, cải tạo 529,36 km ĐDK



trung thế; 1003 TBA phân phối; 859,3 km ĐZ 0,4 kV; ngoài ra còn nhiều dự án lắp đặt Recloser, lắp đặt tụ bù trung và hạ áp cho lưới điện.

#### **6.4. Về nguồn lực đầu tư**

Vốn đầu tư cho nguồn điện, lưới điện trên địa bàn tỉnh của Công ty Điện lực Hưng Yên được Tổng Công ty Điện lực miền Bắc cấp trên cơ sở các danh mục và kế hoạch vốn giao hàng năm, bao gồm vốn vay tín dụng ngân hàng, khấu hao cơ bản và nguồn vốn ODA. Tỷ lệ cơ cấu về sở hữu vốn đầu tư có xu hướng giảm trong giai đoạn 2016-2021; từ 40,85% năm 2016 còn 28,16% năm 2021 do Tổng Công ty bố trí nguồn vốn khấu hao giảm qua các năm. Trong giai đoạn năm 2016-2021, ngành điện đã triển khai thực hiện 256 dự án với tổng mức đầu tư khoảng 2.808,2 tỷ đồng, với khối lượng: thực hiện 04 dự án 110 kV với tổng công suất đặt là 3x 63.000 kVA; 26,3 km ĐZ 110 kV; xây dựng mới, cải tạo 529,36 km ĐDK trung thế; 1003 TBA phân phối; 859,3 km ĐZ 0,4 kV; ngoài ra còn nhiều dự án lắp đặt Recloser, lắp đặt tụ bù trung và hạ áp cho lưới điện.

Tỉnh Hưng Yên là một trong 7 tỉnh, thành của vùng Kinh tế Trọng điểm Bắc Bộ, có các tuyến giao thông đường bộ quan trọng bao gồm QL.5A, Đường Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đường QL.39A, đường QL.38, đường nối 2 cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Pháp Vân - Cầu Giẽ, đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, nối Hưng Yên với các tỉnh lân cận. Bên cạnh đó tỉnh còn có hệ thống sông Hồng, sông Luộc, cùng với hệ thống đường bộ, tạo thành mạng lưới giao thông khá thuận lợi cho giao lưu hàng hóa và phục vụ cho nhu cầu đi lại. Trên địa bàn tỉnh hiện nay có các KCN gồm KCN Phố Nối A, KCN Dệt may Phố Nối, KCN Yên Mỹ 2, KCN Thăng Long II, KCN Minh Đức, KCN Minh Quang, KCN Yên Mỹ tiếp tục thu hút các dự án đi vào sản xuất, các CCN Tân Quang, CCN Vĩnh Khúc, CCN Lạc Đạo, CCN Chỉ Đạo, CCN Như Quỳnh, CCN Tân Tiến, CCN Sạch Văn Giang, CCN Ngọc Lâm, CCN Dị Sử, CCN Tân Dân, CCN Lương Bằng,... và các doanh nghiệp duy trì hoạt động tốt, ngoài ra là các phụ tải công nghiệp nằm rải rác theo các đường quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện.

Trong giai đoạn 2021-2025, có xét đến năm 2030, dự báo toàn tỉnh có thêm các KCN đi vào hoạt động. Ngoài ra, cũng trong năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã bổ sung KCN Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3 - 180,5 ha) và KCN Yên Mỹ II mở rộng (216 ha) (văn bản số 1837/TTg-CN ngày 25/12/2020). Thêm vào đó, tính đến hết tháng 12/2020, UBND tỉnh đã phê duyệt thành lập 16 CCN, theo kế hoạch giai đoạn 2021-2030 toàn tỉnh sẽ có 59 CCN với tổng diện tích là 3.021,54 ha.

Ngoài ra, trước làn sóng chuyển dịch đầu tư từ Trung Quốc sang các nước thì dự báo sẽ có thêm nhiều doanh nghiệp được thành lập trong đó Hưng Yên có nhiều lợi thế thu hút đầu tư. Do đó, giai đoạn 2021-2025, có xét đến năm 2030 nhu cầu sử dụng điện và tốc độ tăng trưởng của tỉnh sẽ cao hơn giai đoạn trước và ngành điện sẽ phân đấu nỗ lực đảm bảo cung cấp điện ổn định, đáp ứng nhu cầu sử dụng các phụ tải trên địa bàn tỉnh.

## 7. Về một số nội dung khác

**7.1. Về hợp tác quốc tế:** không có.

### 7.2. Về vấn đề xã hội liên quan đến phát triển năng lượng

- Về công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, trong đó có quy định bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất đối với nhà ở, công trình trong hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ đường điện; thường xuyên hướng dẫn, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong công tác GPMB của các huyện, thị xã, thành phố ở các dự án năng lượng.

- Về công tác cấp phép, phê duyệt tổng mặt bằng các công trình 220 kV, 500 kV: tỉnh cấp phép cho hạng mục Kho lưu trữ EVN/NPT (17) thuộc Dự án Trạm biến áp 500 kV Phố Nối và các đường dây đầu nối tại xã Việt Hưng và Lương Tài, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên do Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc đại diện chủ đầu tư (*Giấy phép số 45/GPXD-SXD ngày 15/6/2020 do Sở Xây dựng cấp*).

- Về công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành năng lượng, chuyển giao công nghệ: luôn coi trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành khoa học và công nghệ. Chủ động liên kết, phối hợp với các Trường đại học, Viện nghiên cứu, các tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài tỉnh nhằm khai thác có hiệu quả tiềm lực khoa học và công nghệ (*đội ngũ các chuyên gia, các nhà khoa học, cơ sở vật chất, trang thiết bị...*) để nâng cao trình độ và đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh. Hằng năm, Sở Khoa học và công nghệ tỉnh cử khoảng 60 lượt cán bộ, công chức, viên chức của Sở tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tổ chức; tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh về kiến thức chuyển giao công nghệ, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ mới vào sản xuất.

- Về công tác triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực năng lượng: trong giai đoạn 2016-2022, hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh đạt được nhiều thành tựu đáng kể, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tiếp thu được nhiều thành tựu khoa học tiên tiến trong nước và trên thế giới, cung cấp nhiều luận cứ khoa học trong việc định hướng xây dựng cơ chế, chính sách của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh.

Cùng với sự phát triển của ngành khoa học và công nghệ cả nước, ngành khoa học và công nghệ tỉnh có bước phát triển nhanh chóng, khẳng định vai trò, vị trí với những đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Những ứng dụng, chuyển giao tiên bộ khoa học kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh tế quan trọng trong một số lĩnh vực như công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp, xây dựng, y tế, giáo dục, nhất là trong sản xuất nông nghiệp. Khoa học và công nghệ đã tạo ra bước đột phá về năng suất, chất lượng của sản phẩm, nâng cao giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích (*trong giai đoạn 2015-2019, TFP của tỉnh Hưng Yên bình quân đạt 41,47%*).

Trong giai đoạn 2016-2022, đã triển khai 05 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước, cụ thể gồm các nhiệm vụ: nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất thanh nén nhiên liệu từ nguồn phụ phẩm (*trấu, mùn cưa, ...*) nhằm thay thế nhiên liệu trong sản xuất và sinh hoạt tại tỉnh Hưng Yên; nghiên cứu sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng khu vực nông thôn tỉnh Hưng Yên; nghiên cứu và hoàn thiện quy trình công nghệ; thiết kế và chế tạo thiết bị sấy vi sóng bảo quản một số loại nấm ăn và nấm dược liệu tại tỉnh Hưng Yên; nghiên cứu, ứng dụng hệ thống pin năng lượng mặt trời cấp điện cho các tòa nhà công sở trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; nghiên cứu chế tạo thiết bị chuyển mạch tải cấu trúc pin mặt trời có xét tới ảnh hưởng của độ che phủ khi vận hành. Các nhiệm vụ khoa học đã góp phần tuyên truyền tới các tổ chức, cá nhân trong sử dụng năng lượng sạch thay thế nguyên liệu hóa thạch.

Triển khai theo Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 17/10/2019 của UBND tỉnh về tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ đã tập trung các nội dung hỗ trợ tư vấn miễn phí cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về đăng ký mã số, mã vạch, tham gia Giải thưởng Chất lượng quốc gia; tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các văn bản mới về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cho các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh; tiếp tục hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh áp dụng các Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa; đẩy mạnh hoạt động xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thường xuyên tiếp nhận các thông báo về dự thảo các văn bản kỹ thuật của các nước thành viên WTO do Văn phòng TBT Việt Nam gửi qua cổng thông tin điện tử của mạng lưới TBT và chuyển tới các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh. Trả lời, hướng dẫn các doanh nghiệp và các vấn đề liên quan tới tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp và hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

### **7.3. Về vấn đề quốc phòng, an ninh liên quan đến phát triển năng lượng**

Về công tác phối hợp giữa các lực lượng, các ngành trong công tác đảm bảo an ninh quốc gia trong các dự án phát triển năng lượng: theo Quyết định số 1944/QĐ-TTg ngày 04/12/2017 của Thủ Tướng Chính phủ về việc đưa Hệ thống Truyền tải điện 500 kV vào danh mục công trình quan trọng liên quan đến ANQG, do đó trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có 01 Hệ thống Truyền tải điện 500 kV, hệ thống truyền tải điện này do Công ty Truyền tải điện 1 quản lý (*đối với đường dây 500 kV do Truyền tải điện Hà Nội quản lý, đối với Trạm 500kV do Truyền tải điện Đông bắc 2 quản lý*); có 01 TBA 500 kV nằm tại xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm với tổng số 84 cột, đi qua 13 xã của 03 huyện Văn Lâm, Văn Giang, Khoái Châu. Trong năm 2021, tỉnh đã phê duyệt Đề án đảm bảo an ninh, trật tự Hệ thống Truyền tải điện 500kV trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (*Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 09/3/2021*). Đề án phân công rõ trách nhiệm của đơn vị

trực tiếp quản lý, vận hành và thống nhất phối hợp thực hiện để tạo thành sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác bảo vệ Hệ thống Truyền tải điện 500 kV giữa đơn vị quản lý vận hành với các ban, ngành đoàn thể và lực lượng quân đội địa phương.

Việc thực hiện các quy định về quốc phòng, an ninh trong quản lý các dự án phát triển năng lượng tái tạo: các tổ chức, cá nhân đề nghị xây dựng lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà nối lưới có công suất dưới 01MW (1.250 kWp) đã thực hiện trình tự các bước từ hồ sơ pháp lý, khảo sát, thỏa thuận đầu nối, kiểm tra, đánh giá kết cấu mái nhà... theo quy định hiện hành, chưa phát hiện các dấu hiệu vi phạm các quy định về quốc phòng, an ninh trong quản lý các dự án phát triển năng lượng tái tạo.

Về công tác thẩm định, phê duyệt, nghiệm thu thiết kế về PCCC đối với các dự án ngành năng lượng: trong giai đoạn 2016-2021, Công an tỉnh đã thẩm duyệt, cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt cho 42 dự án, công trình và tổ chức nghiệm thu về PCCC cho 25 dự án, công trình năng lượng như trạm điện, hệ thống điện năng lượng mặt trời.

## **II. Tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng**

### **1. Tồn tại, hạn chế**

#### **1.1. Về nội dung phát triển năng lượng trong quy hoạch tỉnh**

- Thủ tục điều chỉnh, bổ sung quy hoạch còn gặp khó khăn và mất nhiều thời gian. Nhất là khi các quy định của Luật Quy hoạch được áp dụng, đã và sẽ ảnh hưởng lớn đến tiến độ triển khai các dự án lưới điện.

- Quy hoạch tỉnh gồm nhiều ngành, lĩnh vực, trong khi năng lực, trình độ tư vấn Lập quy hoạch có mặt còn hạn chế, nên tính đồng bộ trong quy hoạch, các số liệu quy hoạch chưa hoàn toàn đầy đủ, thiếu đồng bộ dẫn đến các kết quả dự báo, tính toán chưa thật chính xác.

- Khó khăn vướng mắc trong công tác bồi thường (*các hộ dân yêu cầu chi phí đền bù cao hơn quy định*), giải phóng mặt bằng, trong việc thỏa thuận vị trí trạm biến áp và tuyến đường dây truyền tải điện với chính quyền địa phương.

#### **1.2. Về chuyển dịch năng lượng và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu**

Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, nông thôn được thu gom, xử lý, thực hiện phân loại tại nguồn còn thấp; quản lý vận hành các bãi chôn lấp, các điểm tập kết rác thải còn chưa tốt; xử lý chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là chôn lấp gây tổn diện tích đất, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất, nước mặt, nước ngầm; thời gian lưu rác tại các bãi tập kết lâu, chưa được vận chuyển kịp thời đến khu xử lý rác; chưa lựa chọn được mô hình xử lý chất thải rắn hoàn thiện và thu hút được nhà đầu tư vào các khu xử lý chất thải rắn vùng tỉnh theo quy hoạch.

### **1.3. Về khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành năng lượng**

Kinh phí đầu tư cho hoạt động ứng dụng khoa học kỹ thuật còn chưa đảm bảo theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ dẫn đến việc đầu tư cho cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ của các tổ chức nghiên cứu và phát triển, dịch vụ khoa học và công nghệ của tỉnh và của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh còn hạn chế, chưa đồng bộ, chưa đủ mạnh để tạo ra công nghệ mới và chuyển giao vào sản xuất, đời sống trong lĩnh vực năng lượng; chưa có nhiều các đề tài thuộc lĩnh vực năng lượng.

## **2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

### **2.1. Nguyên nhân khách quan**

Việc thu hút đầu tư vào tỉnh, đặc biệt là khu vực phía Bắc tỉnh tăng mạnh dẫn đến phụ tải tăng, hệ thống lưới điện quá tải gây khó khăn cho công tác cung ứng điện.

### **2.2. Nguyên nhân chủ quan**

- Quy hoạch phát triển điện lực có tính hệ thống rất cao, có liên quan đến nhiều quy hoạch như quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch giao thông, quy hoạch không gian đô thị, quy hoạch phát triển công nghiệp,... trên thực tế việc đồng bộ hóa các quy hoạch này là rất khó khăn do thời điểm xây dựng các quy hoạch thường không trùng khớp; mặt khác năng lực, trình độ tư vấn lập quy hoạch ở nước ta còn hạn chế.

- Định hướng quy hoạch phát triển điện còn chưa được thực hiện một cách xuyên suốt, có những điều chỉnh tác động khá lớn đến vấn đề cung - cầu điện.

- Sự phối hợp của các địa phương trong công tác triển khai các dự án điện có mặt chưa đồng bộ, thiếu quyết liệt, một số trường hợp các địa phương trước đây đã phê duyệt quy hoạch sau lại thay đổi khiến quy hoạch điện bị phá vỡ.

- Công tác đền bù GPMB các dự án điện vẫn còn gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng đến tiến độ thi công các công trình do việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất thủ tục phức tạp và mất nhiều thời gian, đơn giá bồi thường còn bất cập.

- Việc thỏa thuận địa điểm, vị trí TBA và tuyến đường dây đối với chính quyền địa phương có việc còn gặp khó khăn, nhất là đối với địa phương có quỹ đất hạn chế dẫn đến quá trình thỏa thuận bị kéo dài. Còn có sự không đồng bộ và chồng lấn giữa các quy hoạch (*phát triển điện lực, phát triển cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, du lịch...*) dẫn đến nhiều dự án điện phải thỏa thuận điều chỉnh, thay đổi hướng tuyến dẫn đến thời gian kéo dài và chậm tiến độ triển khai dự án.

### III. Đánh giá chung về phát triển năng lượng giai đoạn 2016-2021 và bài học kinh nghiệm

#### 1. Đánh giá chung về phát triển năng lượng giai đoạn 2016-2021

##### 1.1. Kết quả đạt được

- Trong giai đoạn 2016-2021, tỉnh đã chỉ đạo, thực hiện việc phát triển năng lượng tốt cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Để đạt được kết quả trên là sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ; sự hỗ trợ, phối hợp có hiệu quả của các Bộ, ngành Trung ương; sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện tốt chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng trên địa bàn tỉnh của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.

- Công tác chỉ đạo, ban hành văn bản được thực hiện kịp thời, phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương. Công tác thanh tra, kiểm tra về phát triển năng lượng được thực hiện thường xuyên.

- Công tác quản lý phát triển năng lượng, quản lý quy hoạch được quan tâm thực hiện tốt. Việc thực hiện điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển năng lượng kịp thời, đặc biệt là quy hoạch phát triển điện lực. Không có các dự án không có trong quy hoạch được triển khai thực hiện. Các dự án năng lượng trọng điểm được triển khai kịp thời, đảm bảo việc cung cấp điện.

- Việc đầu tư xây dựng và sửa chữa cải tạo, nâng cấp lưới điện theo Quy hoạch phát triển điện lực luôn được Bộ Công Thương, UBND tỉnh, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng Công ty Điện lực miền Bắc chú trọng quan tâm thực hiện. Hiệu quả mang lại đảm bảo khả năng cung ứng điện, góp phần nâng cao chất lượng điện, giảm tổn thất điện năng và ngăn chặn các sự cố có thể xảy ra trong quản lý vận hành lưới điện, cũng như thực hiện tốt độ tin cậy cung cấp điện góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tổng tiêu thụ năng lượng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2021 là 5,58 triệu TOE/năm (*điện năng 3,73 triệu TOE, năng lượng khác 1,85 triệu TOE*), tăng trung bình khoảng 16 - 18%/năm. Đáp ứng được nhu cầu sử dụng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Công tác quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được quản lý chặt chẽ, các tổ chức, cá nhân thực hiện tương đối tốt các quy định của Nhà nước. Về công tác giảm tổn thất điện năng được thực hiện tốt, giai đoạn 2016 -2021, tổn thất truyền tải trung bình là 4,14%, tổn thất đều giảm theo từng năm và giảm trung bình cả giai đoạn là 0,472% (*Năm 2016, tổn thất 5,60%, Năm 2021, tổn thất 3,24%*).

- Việc quản lý, phát triển năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện mặt trời được thực hiện tốt, đúng quy định.

## 1.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Tỉnh Hưng Yên có mật độ dân cư cao (1.462 người/km<sup>2</sup>, xếp thứ 03 cả nước), nhiều KĐT, KCN, CCN và nhiều đường giao thông phát triển mới nên có sự chồng lấn giữa các Quy hoạch ngành. Một số dự án truyền tải 500kV, 220kV và dự án 110kV trong Quy hoạch điện lực gặp khó khăn khi khảo sát, thỏa thuận tìm hướng tuyến.

- Trong thời gian qua, các KCN, CCN phát triển chủ yếu ở các địa phương phía Bắc tỉnh, nơi có nhiều khách hàng sử dụng điện mới có nhu cầu sử dụng điện công suất lớn dẫn tới lưới điện hiện trạng quá tải, nên phải thường xuyên điều chỉnh, bổ sung quy hoạch điện để phù hợp với yêu cầu thực tế.

- Trong quy hoạch phát triển điện lực tỉnh giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 đã đề xuất vị trí và hướng tuyến các công trình điện, đặc biệt là lưới điện 220 kV, 110 kV. Tuy nhiên khi các KCN, CCN, KĐT được quy hoạch sau lại không được rà soát, chồng lấn lên quy hoạch điện dẫn đến khi triển khai công trình điện gặp nhiều khó khăn tìm hướng tuyến và thỏa thuận hướng tuyến dẫn tới phải thay đổi vị trí nhiều lần, chậm triển khai (ĐZ 110 kV 4 mạch sau trạm 500 kV Phố Nối, ...).

- Khi ngành điện đăng ký kế hoạch sử dụng đất hàng năm cho các dự án điện theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh giai đoạn 2021-2025, UBND các huyện, thị xã, thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu phải có trong quy hoạch đất đai giai đoạn 2010-2020, dẫn đến gặp nhiều khó khăn do giai đoạn quy hoạch của các ngành khác nhau.

- Với đặc thù về mặt bằng xây dựng công trình điện là theo tuyến, trải dài qua nhiều địa phương, thời gian thi công ngắn chỉ 03÷06 tháng đối với các công trình 110 kV, 01÷03 tháng đối với các công trình lưới điện trung, hạ thế (dự án Chống quá tải, xây dựng các xuất tuyến) nên đề có được trích lục, trích đo phục vụ đăng ký kế hoạch sử dụng đất hàng năm sẽ không đảm bảo tiến độ và hiệu quả dự án. Do đó, nếu các dự án điện thực hiện theo đúng trình tự đền bù GPMB theo quy định thì không thể đảm bảo cấp điện phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của nhân dân và doanh nghiệp.

- Các phương pháp, mô hình và công cụ dự báo nhu cầu về năng lượng khá hoàn chỉnh trên lý thuyết, nhưng khi đưa vào áp dụng lại gặp nhiều khó khăn do thiếu số liệu về kinh tế - xã hội, thiếu kinh nghiệm xử lý của các chuyên gia dự báo lâu năm, từ đó dẫn đến sai số dự báo nhiều khi cao hơn yêu cầu, nhất là đối với các năm sau của giai đoạn quy hoạch (thường từ năm thứ tư trở đi).

## 2. Bài học kinh nghiệm

- Thứ nhất: các cấp, các ngành và các tổ chức, cá nhân cần nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc phát triển năng lượng nhằm đảm bảo an ninh năng lượng; đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phát triển năng lượng và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; cần đề xuất nhiều kịch bản để đánh giá các tác động và có phương án thích ứng linh hoạt.

- *Thứ hai:* xây dựng Quy hoạch phát triển năng lượng và định hướng thực hiện một cách xuyên suốt, dài hơi, có lộ trình cụ thể, chi tiết; có chủ trương, quy định rõ ràng, minh bạch, xuyên suốt đối với nhà đầu tư nhằm thu hút phát triển năng lượng. Thực hiện nguyên tắc giá điện, xăng, dầu phải tính đúng, tính đủ chi phí và có lợi nhuận hợp lý để khuyến khích các nhà đầu tư.

- *Thứ ba:* ngành năng lượng luôn phải đi trước một bước, vì vậy quy hoạch phát triển điện lực, năng lượng cần mang tính “mềm” hơn; với quy hoạch điện chỉ nêu danh mục những dự án, công trình điện quan trọng; những dự án khác cần căn cứ vào nhu cầu thực tiễn và tính hiệu quả khi xem xét đầu tư để tạo tính linh hoạt trong thực hiện.

- *Thứ tư:* Phối hợp tốt giữa quy hoạch, định hướng quy hoạch năng lượng với các quy hoạch ngành khác để không chồng lấn quy hoạch, cập nhật kịp thời nhu cầu sử dụng năng lượng của người dân.

### **PHẦN III GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ**

#### **I. Giải pháp**

##### **1. Giải pháp về xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng**

- Rà soát để kịp thời sửa đổi, hoàn thiện các luật chuyên ngành về dầu khí, điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành năng lượng phù hợp thông lệ quốc tế và tình hình phát triển của đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, làm cơ sở thực hiện hiệu quả hơn cơ chế thị trường. Nghiên cứu, thực hiện luật hóa việc điều hành giá điện và một số ưu đãi cho dự án được khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực năng lượng. Hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động kiểm soát và điều phối điện lực. Nghiên cứu, xây dựng và ban hành luật về năng lượng tái tạo.

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng các chiến lược, quy hoạch phát triển năng lượng, đặc biệt trong phân ngành điện, bảo đảm tính ổn định, đồng bộ và linh hoạt, gắn kết với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và một số ngành khác. Rà soát, điều chỉnh và sớm ban hành các quy hoạch liên quan đến phát triển năng lượng theo Luật Quy hoạch.

- Tăng cường phân công, phân cấp quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong lĩnh vực năng lượng; giải quyết kịp thời những vướng mắc và rào cản về chính sách, luật pháp.

##### **2. Giải pháp về khoa học, công nghệ, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển năng lượng**

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia trong lĩnh vực năng lượng phù hợp với các quy định, tiêu chuẩn quốc tế, có xét đến các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia liên quan đến việc tái chế, sử dụng chất thải từ



quá trình sản xuất năng lượng. Từng bước áp dụng các biện pháp khuyến khích và bắt buộc đổi mới công nghệ, thiết bị trong ngành năng lượng cũng như những ngành, lĩnh vực sử dụng nhiều năng lượng.

- Xây dựng chính sách phát triển nguồn nhân lực tổng thể và các chương trình đào tạo cho những khâu then chốt của ngành năng lượng.

- Ban hành chính sách đãi ngộ phù hợp để thu hút các chuyên gia, nhà khoa học, nguồn nhân lực trình độ cao trong và ngoài nước về làm việc trong lĩnh vực năng lượng;

- Chú trọng đào tạo nghề để có đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ lành nghề đủ khả năng nắm bắt và sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật cao và công nghệ hiện đại.

### **3. Giải pháp về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu**

- Rà soát, hoàn thiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2020-2030. Triển khai áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc kèm theo chế tài về sử dụng hiệu quả năng lượng đối với những lĩnh vực, ngành và sản phẩm có mức tiêu thụ năng lượng cao. Có chính sách khuyến khích các hộ tiêu thụ sử dụng năng lượng sạch, tái tạo, nhất là trong công nghiệp và giao thông; thúc đẩy phát triển các phương tiện giao thông sử dụng điện năng phù hợp với xu thế chung trên thế giới.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu để từng bước đưa vào áp dụng các công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả, tiết kiệm chi phí bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đầy đủ công tác theo dõi, quan trắc, đo đạc và quản lý các chỉ tiêu môi trường; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường của doanh nghiệp năng lượng.

## **II. Kiến nghị**

### **1. Đối với Quốc hội**

Rà soát để kịp thời sửa đổi, hoàn thiện các luật chuyên ngành về dầu khí, điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, quy hoạch và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành năng lượng phù hợp thông lệ quốc tế và tình hình phát triển của đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

### **2. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

- Đề nghị Chính phủ sớm phê duyệt Quy hoạch điện VIII và Quy hoạch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 492/QĐ-TTg ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ để làm căn cứ đầu tư xây dựng nguồn, lưới điện đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên.

- Đề nghị Thủ tướng Chính phủ sớm phê duyệt danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hằng năm để làm cơ sở cho các địa phương đơn đốc yêu cầu các đơn vị này triển khai, thực hiện các quy định đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.

### **3. Đối với Bộ Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương ban hành Thông tư hướng dẫn về quản lý và sử dụng kinh phí cho các hoạt động thuộc chương trình Quốc gia sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030.

### **4. Đối với Bộ Công Thương**

- Tham mưu trình Chính phủ điều chỉnh, bổ sung quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với việc không tuân thủ định mức tiêu hao năng lượng đối với các lĩnh vực như: thép, giấy, nhựa, rượu bia và nước giải khát,...

- Tham mưu ban hành hướng dẫn về thủ tục, trình tự đầu tư, lắp đặt, mua bán điện mặt trời giữa khách hàng với ngành điện, giữa khách với đơn vị bán điện không trực thuộc ngành điện, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, lắp đặt hệ thống điện mái nhà để hoàn thành mục tiêu Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Phân cấp, phân quyền nhiều hơn nữa cho địa phương trong một số lĩnh vực như: cấp Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối, bán lẻ điện đến 110 kV và tư vấn thiết kế, giám sát công trình điện đến 110 kV, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đến 110 kV,...

- Thường xuyên tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực quản lý về lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, phát triển nguồn nhân lực về tư vấn các giải pháp quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm trong ngành công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ và nông nghiệp.

### **5. Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường**

Rà soát, đánh giá, đề xuất danh mục công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện địa phương, khuyến khích áp dụng tại các địa phương (*xử lý đốt tận thu nhiệt, thu hồi năng lượng*); ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường về khí thải đối với công nghệ khí hóa rác thải.

### **6. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Đối với việc cấp điện các KCN, CCN, KĐT mới đang triển khai xây dựng chưa có trong Quy hoạch phát triển điện lực giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 (*ví dụ như: KCN Số 5, KCN Thổ Hoàng, KĐT Dream City, KĐT Đại An, ...*), cần nghiên cứu để điều chỉnh, bổ sung nguồn điện đảm bảo đáp ứng nhu cầu phụ tải quan trọng cấp bách tại tỉnh khi Quy hoạch chưa được phê duyệt.

- Sau khi phương án phát triển điện lực tỉnh trong Quy hoạch tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đưa vào Quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất hàng năm, dành quỹ đất phục vụ triển khai các dự án.

- Để đảm bảo không chồng lấn quy hoạch phát triển điện, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố khi phê duyệt KCN, CCN, KĐT cần quan tâm đến quy hoạch điện lực đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo hành lang an toàn lưới điện cao áp theo Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014, Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ.

- Khi tiếp nhận dự án là các KCN, CCN, KĐT có công suất sử dụng điện lớn, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Xây dựng và các sở, ngành liên quan thông báo tới Chủ đầu tư phối hợp làm việc với Sở Công thương và PC Hưng Yên để đăng ký nhu cầu công suất sử dụng điện và bổ sung dự báo phụ tải, danh mục lưới điện kịp thời vào Quy hoạch phát triển điện làm cơ sở cho việc dự báo phụ tải và đầu tư xây dựng.

- Đề nghị UBND tỉnh quan tâm tháo gỡ kịp thời các vướng mắc về đền bù GPMB trong quá trình thực hiện các dự án phát triển năng lượng.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phát triển chuyển đổi số, nâng cao số lượng người dân tham gia thanh toán dịch vụ tiêu dùng không dùng tiền mặt tới các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh hưởng ứng thực hiện.

- Khuyến khích, ưu đãi và ưu tiên nguồn lực đầu tư các dự án xử lý chất thải, khu xử lý chất thải có công nghệ tiên tiến, hiện đại, xử lý đốt tận thu nhiệt, phát điện; hạn chế thấp nhất việc chôn lấp rác thải.

Đoàn ĐBQH tỉnh Hưng Yên trân trọng báo cáo Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tổng thư ký Quốc hội (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- LĐ VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng CTQH;
- Lưu: VT.

**TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI  
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN PHỤ TRÁCH**



**Nguyễn Đại Thắng**



**Phụ lục 01**

**Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về năng lượng (các giai đoạn 2011-2016 và 2016-2021)**  
(Kèm theo Báo cáo số 21/BC-ĐDBQH ngày 18/03/2023 của Đoàn ĐBQH tỉnh)

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
<b>A. HỆ THỐNG VĂN BẢN THUỘC LĨNH VỰC SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CÒN HIẾU LỰC, GỒM 49 VĂN BẢN (02 Nghị quyết Trung ương; 01 Luật; 03 Nghị định của Chính phủ; 05 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 02 Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; 17 Thông tư của một số bộ; 01 Kế hoạch của Tỉnh ủy; 02 Chỉ thị của UBND tỉnh; 05 Kế hoạch của UBND tỉnh; 01 Văn bản của UBND tỉnh; 10 Kế hoạch của sở)</b>				
<b>I. Văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan trung ương ban hành</b>				
<b>I.1. Nghị quyết TW, Luật, Nghị quyết của Quốc hội; Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội</b>				
1	Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2007 về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050	25/10/2007	25/10/2007	
2	Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	11/02/2020	11/02/2020	
3	Luật số 50/2010/QH12 quy định việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	28/6/2010	01/01/2011	
<b>I.2. Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ; các văn bản thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ</b>				
<b>I.2.1. Nghị định của Chính phủ</b>				
1	Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29/3/2011 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	21/3/2011	15/5/2011	
2	Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17/10/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	17/10/2013	01/12/2013	

3	Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí	31/01/2022	31/01/2022	
<b>1.2.2 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</b>				
1	Quyết định số 68/2011/QĐ-TTg ngày 12/12/2011 ban hành Danh mục phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng được trang bị, mua sắm đối với cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.	12/12/2011	01/02/2012	
2	Quyết định số 04/2017/QĐ-TTg ngày 09/03/2017 quy định danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng, áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và lộ trình thực hiện.	09/03/2017	25/4/2017	
3	Quyết định số 24/2018/QĐ-TTg ngày 18/5/2018 ban hành Danh mục và lộ trình phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phải loại bỏ và các tổ máy phát điện hiệu suất thấp không được xây dựng mới.	18/5/2018	10/7/2018	
4	Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030	13/3/2019	13/3/2019	
5	Quyết định 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030	24/6/2020	24/6/2020	
<b>1.2.3 Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ</b>				
1	Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 07/8/2017 về việc tăng cường tiết kiệm điện.	07/8/2017	07/8/2015	
2	Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025	07/5/2020	07/5/2020	
<b>1.3. Thông tư, Thông tư liên tịch (nếu có) của các bộ, cơ quan ngang bộ</b>				
1	Thông tư số 39/2011/TT-BCT ngày 28/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đào tạo, cấp chứng chỉ quản lý năng lượng và kiểm toán viên năng lượng	28/10/2011	15/12/2011	

2	Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản QPPL quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	05/12/2011	20/01/2017
3	Thông tư số 64/2011/TT-BGTVT ngày 26/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động giao thông vận tải.	26/12/2011	Có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký
4	Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc lập kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện kiểm toán năng lượng.	29/9/2020	13/11/2020
5	Thông tư số 19/2013/TT-BNNPTNT ngày 15/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.	15/3/2013	01/5/2013
6	Thông tư số 02/2014/TT-BCT ngày 16/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các ngành Công nghiệp.	16/01/2014	01/6/2014
7	Thông tư số 19/2016/TT-BCT ngày 14/09/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất bia và nước giải khát.	14/9/2016	01/11/2016
8	Thông tư số 20/2016/TT-BCT ngày 20/09/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp thép.	20/9/2016	08/11/2016
9	Thông tư liên tịch số 43/2014/TTLT-BGTVT-BCT ngày 24/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về dán nhãn năng lượng đối với xe ô tô con loại từ 07 chỗ trở xuống.	24/9/2014	01/12/2014
10	Thông tư số 29/2018/TT-BCT ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư quy định chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực công thương.	28/9/2018	12/11/2018

11	Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	28/12/2016	10/2/2017	
12	Thông tư 38/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mức tiêu hao năng lượng trong ngành nhựa.	28/12/2016	10/12/2016	
13	Thông tư 40/2017/TT-BGTVT ngày 09/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc dán nhãn năng lượng đối với xe ô tô con loại trên 07 chỗ đến 09 chỗ.	09/11/2017	01/01/2018	
14	Thông tư số 24/2017/TT-BCT ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mức tiêu hao năng lượng trong sản xuất giấy.	23/11/2017	10/01/2018	
15	Thông tư số 15/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình sử dụng năng lượng hiệu quả.	28/12/2017	01/6/2018	
16	Thông tư số 52/2018/TT-BCT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp chế biến thủy sản, áp dụng cho quá trình chế biến công nghiệp của các nhóm sản phẩm cá da trơn và tôm.	25/12/2018	18/02/2019	
17	Thông tư số 91/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện lộ trình dán nhãn năng lượng và áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu.	28/9/2018	18/12/2018	
<b>II. Văn bản của tỉnh, sở ngành ban hành</b>				
<b>II.1. Văn bản của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, HĐND tỉnh</b>				
<b>II.1.1 Kế hoạch của Tỉnh ủy</b>				
1	Kế hoạch số 251-KH/TU ngày 29/7/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	29/7/2020	29/7/2020	

<b>II.1.2</b>	<b>Chỉ thị của UBND tỉnh</b>			
1	Chỉ thị số 05/2007/CT-UBND ngày 08/3/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện thiết kế điện trong sử dụng điện.	08/3/2007	08/3/2007	
2	Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 11/7/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện tiết kiệm, tiết giảm tối đa chi phí điện, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu, khánh tiết, hội nghị, công tác phí, Kế hoạch	11/7/2012	11/7/2012	
<b>II.1.3</b>	<b>Kế hoạch của UBND tỉnh</b>			
1	Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 28/3/2016 về Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2016-2020	28/3/2016	28/3/2016	
2	Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 04/4/2020 thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021- 2030	04/4/2020	04/4/2020	
3	Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 22/9/2020 thực hiện Kế hoạch số 251-KH/TU ngày 29/7/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	22/9/2020	22/9/2020	
4	Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 12/11/2020 thực hiện Quyết định 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030.	12/11/2020	12/11/2020	
5	Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 13/11/2020 thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025	13/11/2020	13/11/2020	
<b>II.1.4</b>	<b>Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh</b>			
1	Văn bản số 1544/UBND-KT2 ngày 26/6/2020 về việc thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025	26/6/2020	26/6/2020	



<b>II.1.5 Văn bản của Sở, ngành ban hành</b>				
1	Kế hoạch số 508 /KH-SCT ngày 17 /5/2016 của Sở Công Thương kiểm tra hoạt động điện lực	17/5/2016	17/5/2016	
2	Kế hoạch số 375 /KH-SCT ngày 16/3/2017 của Sở Công Thương kiểm tra sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (đợt 1 năm 2017)	16/3/2017	16/3/2017	
3	Kế hoạch số 854/KH-SCT ngày 01/6/2017 của Sở Công Thương kiểm tra sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (đợt 2 năm 2017)	01/6/2017	01/6/2017	
4	Kế hoạch số 480/KH-SCT ngày 17/4/2018 của Sở Công Thương tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao nhận thức sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2018	17/4/2018	17/4/2018	
5	Kế hoạch số 481/KH-SCT ngày 17/4/2018 của Sở Công Thương kiểm tra sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	17/4/2018	17/4/2018	
6	Kế hoạch số 172/KH-SCT ngày 20/02/2019 của Sở Công Thương về việc kiểm tra sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động điện lực, năng lượng và sử dụng điện năm 2019	20/02/2019	20/02/2019	
7	Kế hoạch số 209/KH-SCT ngày 28/02/2019 của Sở Công Thương về việc Tuyên truyền về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2019	28/02/2019	28/02/2019	
8	Kế hoạch số 191/KH-SCT ngày 12/02/2020 của Sở Công Thương về việc Tuyên truyền về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2020	12/02/2020	12/02/2020	
9	Kế hoạch số 220/KH-SCT ngày 18/02/2020 của Sở Công Thương về việc Kiểm tra sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, dân nhân năng lượng, hoạt động điện lực và giá bán điện năm 2020	18/02/2020	18/02/2020	
10	Kế hoạch số 160/KH-SCT ngày 03/02/2021 của Sở Công Thương thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2021	03/02/2021	03/02/2021	

<b>B. HỆ THỐNG VĂN BẢN THUỘC LĨNH VỰC ĐIỆN CÓN HIỆU LỰC, GÓM 55 Văn bản (02 Luật; 07 Nghị định của Chính phủ; 07 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 24 Thông tư của Bộ Công Thương; 01 Quyết định của Bộ Công Thương; 09 Quyết định của UBND tỉnh; 11 Văn bản của sở, ngành)</b>			
<b>I. Văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan trung ương ban hành</b>			
<b>I.1. Luật, Nghị quyết của Quốc hội; Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội</b>			
1	Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03/12/2004 của Quốc hội	03/12/2004	01/7/2005
2	Luật 24/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.	20/11/2012	01/7/2013
<b>I.2. Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ; các văn bản thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ</b>			
<b>I.2.1 Nghị định của Chính phủ</b>			
1	Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực	21/10/2013	10/12/2013
2	Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	15/01/2018	Có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành
3	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	05/02/2020	22/3/2020
4	Nghị định 134/2013/NĐ-CP ngày 17/10/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	17/10/2013	01/12/2013
5	Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng kém và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí	31/01/2022	31/01/2022

6	Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực và an toàn điện	26/02/2014	15/4/2014	
7	Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực và an toàn điện	21/4/2020	Có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành	
<b>I.2.2 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</b>				
1	Quyết định 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam	29/6/2011	20/8/2011	
2	Quyết định 39/2018/QĐ-TTg ngày 10/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam	10/9/2018	01/11/2018	
3	Quyết định 63/2013/QĐ-TTg ngày 08/11/2013 quy định về lộ trình, các điều kiện và cơ cấu ngành điện để hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện lực tại Việt Nam	08/11/2013	25/12/2013	
4	Quyết định 24/2014/QĐ-TTg ngày 24/3/2014 về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam	24/3/2014	10/5/2014	
5	Quyết định 31/2014/QĐ-TTg ngày 05/5/2014 về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án phát điện sử dụng chất thải rắn tại Việt Nam.	05/5/2014	20/6/2014	
6	Quyết định 60/2014/QĐ-TTg quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện	30/10/2014	15/12/2014	
7	Quyết định 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/04/2020 về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam	06/4/2020	22/5/2020	
<b>I.3. Thông tư, Thông tư liên tịch (nếu có) của các bộ, cơ quan ngang bộ</b>				
1	Thông tư số 40/2009/TT-BCT ngày 31/12/2009 của Bộ Công Thương về việc ban Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện	31/12/2009	Có hiệu lực sau 45 ngày từ ngày đăng Công báo	

2	Thông tư 04/2011/TT-BCT ngày 16/02/2011 của Bộ Công Thương Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện.	16/02/2011	01/4/2011
3	Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện	31/10/2013	15/12/2013
4	Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện	29/5/2014	01/6/2014
5	Thông tư số 44/2014/TT-BCT ngày 28/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định quy trình thao tác trong hệ thống điện quốc gia	28/11/2014	23/01/2015
6	Thông tư số 28/2014/TT-BCT ngày 15/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định quy trình xử lý sự cố trong hệ thống điện quốc gia	15/9/2014	05/11/2014
7	Thông tư số 43/2014/TT-BCT ngày 19/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch địa điểm xây dựng trung tâm điện lực	19/11/2014	05/01/2015
8	Thông tư số 40/2014/TT-BCT ngày 05/11/2014 Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia	05/11/2014	24/12/2014
9	Thông tư số 30/2015/TT-BCT ngày 16/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định phương pháp xác định mức chi phí lập, thẩm định, công bố, điều chỉnh và quản lý quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và quy hoạch phát triển thủy điện vừa và nhỏ	16/9/2015	02/11/2015
10	Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện	19/12/2015	03/02/2015
11	Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy định hệ thống điện phân phối	18/11/2015	18/01/2016
12	Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định hệ thống điện truyền tải	30/11/2016	16/01/2017

13	Thông tư số 24/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định một số nội dung về rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng	30/11/2016	16/01/2017	
14	Thông tư số 22/2017/TT-BCT ngày 23/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương Quy định khởi động đen và khôi phục hệ thống điện quốc gia	23/10/2017	12/12/2017	
15	Thông tư số 31/2018/TT-BCT ngày 05/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện	05/10/2018	20/11/2018	
16	Thông tư số 31/2019/TT-BCT ngày 18/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BCT ngày 15/9/2014 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương quy định quy trình xử lý sự cố trong hệ thống điện quốc gia, Thông tư số 40/2014/TT-BCT ngày 05/11/2014 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương quy định quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia và Thông tư số 44/2014/TT-BCT ngày 28/11/2014 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương quy định quy trình thao tác trong hệ thống điện quốc gia	18/11/2019	03/01/2019	
17	Thông tư số 42/2019/TT-NCT ngày 18/12/2019 Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các thông tư số do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành	18/12/2019	05/02/2020	
18	Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực	09/9/2020	26/10/2020	
19	Thông tư số 22/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về điều kiện, trình tự ngừng giám cung cấp điện	09/9/2020	30/10/2020	
20	Thông tư số 18/2020/TT-BCT ngày 17/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời	17/7/2020	31/8/2020	

21	Thông tư số 39/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện	30/11/2020	01/6/2021
22	Thông tư số 06/2021/TT-BCT ngày 06/8/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá điện	06/8/2021	25/9/2021
23	Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02/8/2021 Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện	02/8/2021	22/9/2021
24	Thông tư số 13/2022/TT-BCT ngày 25/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bãi bỏ khoản 6 Điều 7 Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02/8/2021 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện	25/8/2022	18/10/2022
<b>I.4. Quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ</b>			
1	Quyết định số 4016/QĐ-BCT ngày 23/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035	23/10/2017	23/10/2017
<b>II. Văn bản quy phạm pháp luật do Tỉnh ban hành</b>			
<b>II.1. Văn bản của UBND tỉnh ban hành</b>			
1	Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 về việc Ban hành Quy định về rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	19/5/2015	19/5/2015
2	Quyết định số 3354/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 phê duyệt Hợp phần Quy hoạch chi tiết lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV (Hợp phần II) thuộc đề án Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035	29/12/2017	29/12/2017
3	Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 về việc Ban hành Quy định một cửa liên thông trong giải quyết các thủ tục cấp điện qua lưới trung áp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	27/3/2019	27/3/2019
4	Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 về việc phê duyệt Phương án cung ứng điện điện năm 2016 khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn	29/01/2016	29/01/2016

5	Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 10/02/2017 về việc phê duyệt Phương án cung ứng điện năm 2017 khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn	10/02/2017	10/02/2017	
6	Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 về việc phê duyệt Phương án cung ứng điện năm 2018 khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn	25/01/2018	25/01/2018	
7	Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 21/02/2019 về việc phê duyệt Phương án cung ứng điện năm 2019 khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn	21/02/2019	21/02/2019	
8	Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 13/02/2020 về việc phê duyệt Phương án cung ứng điện năm 2020 khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn	13/02/2020	13/02/2020	
9	Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 phê duyệt phương án cung ứng điện năm 2021 khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện	26/01/2021	26/01/2021	
<b>II.2. Văn bản của các sở, ngành, ban hành</b>				
1	Văn bản số 43/SCT-QLNL ngày 12/01/2021 của Sở Công Thương về việc bổ sung dự án đường dây 110 kV đầu nối và TBA 110 kV Lý Thường Kiệt 2, Lý Thường Kiệt 3 vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Hưng Yên 2016-2025, có xét đến năm 2035 (Hợp phần I)	12/01/2021		
2	Văn bản số 263/SCT-QLNL ngày 26/02/2021 của Sở Công Thương về việc ban hành văn bản đề nghị Bộ Công Thương chấp thuận điều chỉnh tiến độ xây dựng đường dây và TBA 110 kV Kim Đông 2	26/02/2021		
3	Văn bản số 367/SCT-QLNL ngày 16/3/2021 của Sở Công Thương về việc tham gia ý kiến đối với Dự thảo Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	16/3/2021		
4	Văn bản số 2025/SCT-QLNL ngày 26/11/2021 của Sở Công Thương về việc báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Hưng Yên	26/11/2021		

5	Văn bản số 609/SCT-QLNL ngày 23/4/2021 của Sở Công Thương về việc chấp thuận hướng tuyến đường dây 110 kV và vị trí trạm biến áp 110 kV Kim Động 2	23/4/2021	
6	Văn bản số 657/SCT-QLNL ngày 06/5/2021 của Sở Công Thương về việc chấp thuận điều chỉnh hướng tuyến đường dây 110 kV 04 mạch sau TBA 500 kV Phố Nối đoạn tuyến từ G7 đến G13	06/5/2021	
7	Văn bản số 739/SCT-QLNL ngày 18/5/2022 của Sở Công Thương về việc chấp thuận hướng tuyến đường dây 110 kV và vị trí trạm biến áp 110 kV Khoái Cầu 2	18/5/2022	
8	Văn bản số 859/SCT-QLNL ngày 03/6/2021 của Sở Công Thương về việc chấp thuận hướng tuyến đường dây 110 kV và vị trí trạm biến áp 110 kV Kim Động 2	03/6/2021	
9	Văn bản số 1256/SCT-QLNL ngày 28/7/2021 của Sở Công Thương về việc hướng tuyến đường dây 500 kV từ Nhiệt điện Nam Định 1-Phố Nối (đoạn đi trêndịa bàn tỉnh Hưng Yên	28/7/2021	
10	Văn bản số 1258/SCT-QLNL ngày 29/7/2021 của Sở Công Thương Hưng Yên về việc chấp thuận hướng tuyến đường dây 110kV và vị trí trạm biến áp 110kV Ngọc Long, 110kV Nhân Hòa	29/7/2021	
11	Văn bản số 1433/ SCT-QLNL ngày 20/9/2022 của Sở Công Thương về việc chấp thuận điều chỉnh hướng tuyến đường dây 110kV cấp điện cho trạm biến áp 110kV Ngọc Long	20/9/2021	
<b>C. HỆ THỐNG VĂN BẢN THUỘC LĨNH VỰC XĂNG DẦU CÒN HIỆU LỰC, GỒM 24 VĂN BẢN (08 Nghị định của Chính phủ; 08 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 07 Thông tư của Bộ Công Thương; 01 Quyết định của UBND tỉnh)</b>			
<b>I.1. Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ; các văn bản thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ</b>			
1	Nghị định số 13/2011/NĐ-CP ngày 11/02/2011 về an toàn công trình dầu khí trên đất liền	11/02/2011	05/4/2011



2	Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 về kinh doanh xăng dầu	03/9/2014	01/11/2014	
3	Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2013 về kinh doanh khí	22/3/2016	15/5/2016	
4	Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 sửa đổi một số Nghị định quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	15/01/2018	15/01/2018	
5	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 về kinh doanh khí	15/6/2018	01/8/2018	
6	Nghị định số 25/2019/NĐ-CP ngày 07/3/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2011/NĐ-CP ngày 11/02/2011 của Chính phủ về an toàn công trình đầu khí trên đất liền	07/3/2019	25/4/2019	
7	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	05/02/2020	22/3/2020	
8	Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu	01/11/2021	01/01/2022	
*	<b>Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</b>			
1	Quyết định số 04/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2015 quy định về quản lý an toàn trong hoạt động đầu khí	20/01/2015	16/3/2015	
<b>I.2. Thông tư, Thông tư liên tịch (nếu có) của các bộ, cơ quan ngang bộ</b>				
1	Thông tư số 41/2011/TT-BCT ngày 16/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hoá lỏng.	16/12/2011	01/02/2012	
2	Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư Quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hóa lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng	30/12/2013	15/02/2014	
3	Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu	24/10/2014	01/11/2014	

4	Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP	10/5/2016	15/5/2016
5	Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	08/12/2017	01/01/2018
6	Thông tư số 34/2017/TT-BCT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí hóa lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng	29/12/2017	12/02/2018
7	Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu	15/11/2021	01/01/2022
<b>I.5. Văn bản chỉ đạo điều hành của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ</b>			
1	Quyết định số 459/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2011 Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam giai đoạn đến năm 2015, định hướng đến năm 2025	30/3/2011	30/3/2011
2	Quyết định số 2412/QĐ-BCT ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy hoạch phát triển hệ thống sản xuất và phân phối mặt hàng xăng dầu giai đoạn 2010 - 2020, định hướng đến năm 2025	17/5/2011	17/5/2011
3	Quyết định số 9858/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy hoạch phát triển hệ thống sản xuất và phân phối khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030	24/12/2013	24/12/2013

4	Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2035	14/10/2015	14/10/2015	
5	Quyết định số 60/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2035	16/01/2017	16/01/2017	
6	Quyết định số 1030/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu của Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.	13/7/2017	13/7/2017	
7	Quyết định số 1755/QĐ-BCT ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đường ống xăng dầu Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”	26/02/2015	26/02/2015	
<b>II</b>	<b>Văn bản của tỉnh, Sở ngành ban hành</b>			
1	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 21/01/2013 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu tỉnh Hưng Yên đến năm 2020	21/01/2013	21/01/2013	
<b>D. HỆ THỐNG VĂN BẢN THUỘC LĨNH VỰC XÂY DỰNG CÒN HIỆU LỰC, GỒM 06 VĂN BẢN (02 Văn bản của UBND tỉnh; 04 Văn bản của sở, ngành)</b>				
<b>I. Các văn bản của tỉnh, sở ngành ban hành</b>				
<b>I.1. Văn bản của UBND tỉnh ban hành</b>				
1	Văn bản số 930/UBND-KT2 về tình hình triển khai Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 12/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ	25/4/2019	25/4/2019	
2	Văn bản số 1600/UBND-KT2 về thực hiện Chi thị số 08/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ	23/7/2021	23/7/2021	
<b>II.2. Văn bản của các sở, ngành, ban hành</b>				
1	Văn bản số 381/SXD-KT&VLXD của Sở Xây dựng về tham mưu thực hiện nội dung Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 12/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ	14/4/2017	14/4/2017	

2	Văn bản số 116/SXD-KT&VLXD của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn sử dụng tro, xỉ, thạch cao làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và công trình xây dựng	22/02/2019	22/02/2019
3	Văn bản số 325/SXD-KT&VLXD của Sở Xây dựng về tình hình thực hiện Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 12/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ	06/5/2019	06/5/2019
4	Văn bản số 244/SXD-KT&VLXD của Sở Xây dựng về việc thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ	07/4/2021	07/4/2021
<b>E. HỆ THỐNG VĂN BẢN THUỘC LĨNH VỰC KHOA HỌC CÒN HIỆU LỰC, GỒM 17 VĂN BẢN (01 Chương trình hành động của Tỉnh ủy; 01 Kế hoạch của Tỉnh ủy; 03 Nghị quyết của HĐND tỉnh; 08 Quyết định của UBND tỉnh; 04 Kế hoạch của UBND tỉnh).</b>			
<b>I. Các văn bản của tỉnh, sở ngành ban hành</b>			
<b>I.1. Văn bản của Tỉnh Ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành</b>			
<b>I.1.1</b>	<b>Văn bản của Tỉnh Ủy</b>		
1	Kế hoạch số 188-KH/TU ngày 04/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế	04/11/2019	04/11/2019
2	Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 18/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	18/9/2020	18/9/2020
<b>I.1.2</b>	<b>Nghị quyết của HĐND tỉnh</b>		
1	Nghị quyết số 295/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 ban hành quy định nội dung và mức chi thực hiện đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh	10/7/2020	10/7/2020

2	Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 ban hành Quy định về nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	30/6/2021	30/6/2021	
3	Nghị quyết số 179/2022/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 ban hành Quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	16/3/2022	16/3/2022	
<b>1.1.3 Quyết định của UBND tỉnh</b>				
1	Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2025	19/10/2016	19/10/2016	
2	Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 về việc ban hành quy định xét công nhận sáng kiến tỉnh Hưng Yên	21/10/2016	21/10/2016	
3	Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 về việc ban hành Quy định “Định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên”	30/11/2016	30/11/2016	
4	Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 ban hành Quy định xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước	16/6/2017	16/6/2017	
5	Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 ban hành Kế hoạch thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào tỉnh Hưng Yên trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	26/3/2019	26/3/2019	
6	Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	26/5/2021	26/5/2021	
7	Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ tỉnh Hưng Yên đến năm 2030	22/9/2021	22/9/2021	

8	Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030	25/5/2022	25/5/2022
<b>I.1.4</b>	<b>Kế hoạch UBND tỉnh</b>		
1	Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 09/4/2021 thực hiện Quyết định số 696/QĐ-TTg ngày 25/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 188-KH/TU ngày 04/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế	09/4/2021	09/4/2021
2	Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 27/4/2021 thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 18/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4	27/4/2021	27/4/2021
3	Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 16/9/2021 về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025	16/9/2021	16/9/2021
4	Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 30/6/2021 thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	30/6/2021	30/6/2021
<b>G. HỆ THỐNG VĂN BẢN THUỘC LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG CÒN HIỆU LỰC, GỒM 02 VĂN BẢN (01 Nghị định của Chính phủ; 01 Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường)</b>			
<b>I. Nghị quyết, nghị định của Chính phủ; các văn bản thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ</b>			
1	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	10/01/2022	10/01/2022

**II. Thông tư, Thông tư liên tịch (nếu có) của các bộ, cơ quan ngang bộ**

1	Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	10/01/2022	10/01/2022	
---	--	------------	------------	--

**H. HỆ THỐNG VĂN BẢN THUỘC LĨNH VỰC QUY HOẠCH CÒN HIỆU LỰC, GỒM 02 VĂN BẢN (01 Luật quy hoạch; 01 Nghị định của Chính phủ)****I. Văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan trung ương ban hành****I.1. Luật, Nghị quyết của Quốc hội; Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

1	Luật số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 Luật Quy hoạch	24/11/2017	01/01/2019	
---	---	------------	------------	--

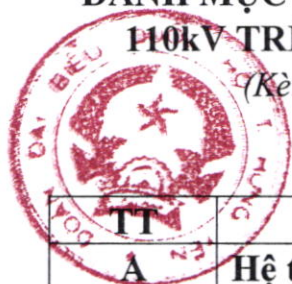
**I.2. Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ; các văn bản thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ**

1	Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Quy hoạch	07/5/2019	Có hiệu lực thi hành từ ngày ký	
---	---	-----------	---------------------------------	--

**Phụ lục 2**

**DANH MỤC CÁC TRẠM BIẾN ÁP VÀ ĐƯỜNG DÂY 500kV, 220kV,  
110kV TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HUNG YÊN THỜI KỲ 2021-2030**

*(Kèm theo Báo cáo số 21/BC-ĐDBQH ngày 11/3/2023  
của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh)*



<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>
<b>A</b>	<b>Hệ thống điện 500kV</b>
<b>I</b>	<b>Trạm biến áp</b>
1	Trạm 500kV Phố Nối: cải tạo, nâng công suất máy biến áp 1; tổng công suất 1.800 MVA
2	Xây dựng mới trạm 500kV Hưng Yên, công suất 1x900 MVA
<b>II</b>	<b>Đường dây</b>
1	Xây dựng mới tuyến đường dây 500 kV NĐ Nam Định - Phố Nối, 02 mạch x 133,0 km (đoạn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên dài 30 km)
2	Xây dựng mới tuyến đường dây 500 kV Hưng Yên - Rẽ NĐ Quỳnh Lập - Long Biên, đầu nối trạm 500 kV Hưng Yên, 04 mạch x 5,0 km
<b>B</b>	<b>Hệ thống điện 220kV</b>
<b>I</b>	<b>Trạm biến áp</b>
1	Xây dựng mới trạm 220kV Yên Mỹ, công suất 2x250 MVA
2	Xây dựng mới trạm 220kV Phố Nối nối cấp, công suất 2x250 MVA
3	Xây dựng mới trạm 220kV Phố Cao, công suất 2x250 MVA
4	Xây dựng mới trạm 220kV Bãi Sậy, công suất 1x250 MVA
<b>II</b>	<b>Đường dây</b>
1	Xây dựng mới tuyến đường dây 220kV Yên Mỹ – Rẽ Phố Nối 500 kV – Thường Tín 500 kV, đầu nối trạm 220kV Yên Mỹ, 02 mạch x 2,0 km
2	Xây dựng mới tuyến đường dây 220kV Phố Cao - Rẽ Thái Bình - Kim Động, đầu nối trạm 220kV Phố Cao, 04 mạch x 2,0 km
3	Xây dựng mới tuyến đường dây 220kV Bãi Sậy - Kim Động, 02 mạch x 11,5 km
4	Xây dựng mới tuyến đường dây 220kV Văn Giang - Rẽ Long Biên - Thường Tín, đầu nối trạm 220kV Văn Giang, 02 mạch x 2,0 km
5	Xây dựng mới tuyến đường dây 220kV từ trạm 500kV Hưng Yên (TP Hưng Yên) - Rẽ Kim Động - Phố Cao, 04 mạch x 5,0 km
<b>C</b>	<b>Hệ thống điện 110kV</b>
<b>I</b>	<b>Trạm biến áp</b>
1	Xây dựng mới trạm 110kV Ngọc Long, công suất 110/35/22 kV - 2x63 MVA



2	Xây dựng mới trạm 110kV Dị Sử, công suất 110/35/22 kV - 1x63 MVA
3	Xây dựng mới trạm 110kV Nhân Hòa, công suất 110/35/22 kV - 2x63 MVA
4	Xây dựng mới trạm 110kV Yên Mỹ 2, công suất 110/35/22 kV - 2x63 MVA
5	Xây dựng mới trạm 110kV Tiên Lữ, công suất 110/35/22 kV - 2x63 MVA
6	Xây dựng mới trạm 110kV Lý Thường Kiệt, công suất 110/35/22 kV - 2x63 MVA
7	Xây dựng mới trạm 110kV Lý Thường Kiệt 2, công suất 110/35/22 kV - 2x63 MVA
8	Xây dựng mới trạm 110kV Lý Thường Kiệt 3, công suất 110/35/22 kV - 2x63 MVA
9	Xây dựng mới trạm 110kV Khoái Châu 2, công suất 110/35/22 kV - 1x63 MVA
10	Xây dựng mới trạm 110kV Vĩnh Khúc, công suất 110/35/22 kV - 2x63 MVA
11	Xây dựng mới trạm 110kV Kim Động 2, công suất 110/35/22 kV - 2x63 MVA
12	Xây dựng mới trạm 110kV Ân Thi, công suất 110/35/22 kV - 2x63 MVA
13	Xây dựng mới trạm 110kV TP Hưng Yên 2, công suất 110/35/22 kV - 2x63 MVA
14	Xây dựng mới trạm 110kV Minh Quang, công suất 110/35/22 kV - 1x63 MVA
15	Xây dựng mới trạm 110kV Phố Hiến, công suất 110/22 kV - 1x63 MVA
16	Xây dựng mới trạm 110kV Đại Đồng, công suất 110/22 kV - 1x63 MVA
17	Xây dựng mới trạm 110kV Văn Giang 3, công suất 110/35/22 kV - 1x63 MVA
18	Xây dựng mới trạm 110kV Khoái Châu 3, công suất 110/35/22 kV - 1x63 MVA
19	Xây dựng mới trạm 110kV Kim Động 3, công suất 110/35/22 kV - 1x63 MVA
20	Xây dựng mới trạm 110kV Lý Thường Kiệt 4, công suất 110/35/22 kV - 1x63 MVA
21	Xây dựng mới trạm 110kV Lý Thường Kiệt 5, công suất 110/22 kV - 1x63 MVA

22	Xây dựng mới trạm 110kV Bãi Sậy nối cấp, công suất 110/35/22 kV - 1x63 MVA
23	Xây dựng mới trạm 110kV Ân Thi 3, công suất 110/35/22 kV - 1x63 MVA
24	Cải tạo, nâng công suất trạm 110kV Tân Quang (lắp máy T3, công suất 110/22 kV - 63 MVA)
25	Cải tạo, nâng công suất trạm 110kV Khoái Châu (thay máy T1, nâng công suất 110/35/22 kV - 63 MVA)
26	Cải tạo, nâng công suất trạm 110kV Kim Động (thay máy T1, nâng công suất 110/35/22 kV - 63 MVA)
27	Cải tạo, nâng công suất trạm 110kV Phố Cao (thay máy T1, T2, nâng công suất 110/35/22 kV - 2x63 MVA)
28	Cải tạo, nâng công suất trạm 110kV Minh Hải (lắp máy T3, công suất 110/35/22 kV - 63 MVA)
29	Cải tạo, nâng công suất trạm 110kV Văn Giang 2 (lắp máy T2, công suất 110/22 kV - 63 MVA)
<b>II</b>	<b>Đường dây</b>
1	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV trạm 220 kV Yên Mỹ - rẽ Kim Động - Văn Giang, 04 mạch x 2,5 km
2	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV trạm 220kV Yên Mỹ - Văn Giang 2, chuyển đầu nối trạm Văn Giang 2 về trạm 220 kV Yên Mỹ, 02 mạch x 2,8 km
3	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV trạm 220kV Phố Nối NC - rẽ Phố Nối - Hà Nội, 04 mạch x 8,5 km
4	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV trạm Phố Nối NC - rẽ Phố Nối - Hải Dương, 02 mạch x 6,5 km
5	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV trạm 220 kV Phố Cao - rẽ Kim Động - Phố Cao, 04 mạch x 1,0 km
6	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV trạm 220 kV Bãi Sậy - rẽ Kim Động - Bãi Sậy, 04 mạch x 1,0 km
7	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ trạm Ngọc Long (đầu chuyển tiếp 1 mạch đường dây 110kV từ trạm 220 kV Yên Mỹ - trạm 220 kV Kim Động), 02 mạch x 3,2 km
8	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ trạm Dị Sử (đầu chuyển tiếp 1 mạch đường dây 110kV từ trạm 220 kV Phố Nối - trạm 220 kV Thăng Long II), 02 mạch x 1,0 km
9	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ trạm Nhân Hòa (đầu chuyển tiếp 1 mạch đường dây 110 kV từ trạm 220 kV Phố Nối - trạm 220 kV Hải Dương), 02 mạch x 1,0 km

10	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ trạm Yên Mỹ 2 (đầu chuyển tiếp 1 mạch trên đường dây 110 kV từ Trạm 220 kV Phố Nối – Yên Mỹ), 02 mạch x 0,2 km
11	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ trạm Tiên Lữ (đầu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây 110kV từ trạm 220 kV Kim Động - trạm 110 kV Phố Cao), 02 mạch x 1,5 km
12	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ trạm Lý Thường Kiệt (đầu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây 110 kV từ Trạm 220 kV Kim Động - Bãi Sậy), 02 mạch x 2,1 km
13	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ trạm Khoái Châu 2 (đầu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây 110kV từ trạm 220 kV Kim Động - trạm 220 kV TP Hưng Yên), 02 mạch x 0,1 km
14	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ trạm Lý Thường Kiệt 2 (đầu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây 110kV Kim Động - Lý Thường Kiệt), 02 mạch x 1,2 km
15	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ trạm Lý Thường Kiệt 3 (đầu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây 220kV Kim Động - trạm 220kV Yên Mỹ), 02 mạch x 2,2 km
16	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV trạm 220 kV Yên Mỹ - Vĩnh Khúc, 02 mạch x 3,2 km
17	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ trạm Kim Động 2 (đầu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây 110 kV từ Trạm 220 kV Kim Động - Phố Cao), 02 mạch x 2,5 km
18	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ trạm Ân Thi (đầu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây 110 kV từ Trạm 220 kV Kim Động - Bãi Sậy), 02 mạch x 0,3 km
19	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ trạm TP Hưng Yên 2 (đầu chuyển tiếp trên một mạch đường dây 110 kV từ Trạm 220 kV Phố Cao - Tiên Lữ), 02 mạch x 7,5 km
20	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ trạm Minh Quang (đầu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây 110 kV từ trạm 220 kV Phố Nối NC - trạm 110 kV Nhân Hòa), 02 mạch x 2,1 km
21	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV Hưng Yên - Hòa Mạc, 02 mạch x 4,5 km
22	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV Bãi Sậy - rẽ Bình Giang - Tân Trường (Hải Dương), 02 mạch x 2,5 km
23	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV trạm 220 kV Phố Cao – Hưng Hà, 02 mạch x 16,5 km
24	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV trạm 220 kV Văn Giang - Khoái Châu 3, 02 mạch x 2,5 km

25	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV trạm 220 kV Văn Giang - Rẽ Văn Giang 3 - Vĩnh Khúc, 02 mạch x 8,5 km
26	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ trạm ĐH Phố Hiến (đầu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây từ trạm 220 kV Phố Cao - trạm 110 kV Hưng Yên), 02 mạch x 2,5 km
27	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ trạm Đại Đồng (đầu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây từ trạm 220 kV Phố Nối NC - trạm 110 kV Như Quỳnh), 02 mạch x 0,1 km
28	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV Vĩnh Khúc - Văn Giang 3, 02 mạch x 2,5 km
29	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ trạm Khoái Châu 3 (xây dựng mới đường dây mạch kép, đầu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây 110kV từ trạm 220kV Yên Mỹ - Văn Giang 2), 02 mạch x 6,5 km
30	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ trạm Kim Động 3 (đầu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây 110kV từ trạm 220 kV Kim Động - trạm 220 kV TP Hưng Yên), 02 mạch x 0,1 km
31	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV Kim Động 3 – trạm 220 kV TP Hưng Yên (xây dựng mới đường dây mạch kép, đầu thanh cái 110kV từ trạm 220kV Kim Động – trạm 220kV TP Hưng Yên), 02 mạch x 16,3 km
32	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ trạm Lý Thường Kiệt 4 (trạm 220kV Bãi Sậy - Lý Thường Kiệt 4), 02 mạch x 2,5 km
33	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ trạm Lý Thường Kiệt 5 (đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110 kV trạm 110 kV Kim Động – trạm 110kV Phố Cao), 02 mạch x 1,5 km
34	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV trạm 220kV Bãi Sậy - Ân Thi 3, 02 mạch x 2,5 km
35	Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV 220 kV TP Hưng Yên - rẽ Hưng Yên - Hòa Mạc, 04 mạch x 0,1 km
36	Cải tạo, nâng khả năng tải tuyến đường dây 110kV trạm 220 kV Phố Nối - nhánh rẽ Giai Phạm, 02 mạch x 2,3 km (dây dẫn ACCC367 hoặc tương đương)
37	Cải tạo, nâng khả năng tải tuyến đường dây 110kV trạm 220 kV Phố Nối – Kim Động, 02 mạch x 18,0 km (dây dẫn AC400 hoặc tương đương)
38	Cải tạo, nâng khả năng tải tuyến đường dây 110kV NR trạm 110 kV Thăng Long II, 02 mạch x 3,2 km (dây dẫn AC400 hoặc tương đương)

**Bảng 3: Các quy chuẩn kỹ thuật về năng lượng (các giai đoạn 2011- 2016 và 2016 - 2021)**  
 (Kèm theo Báo cáo số 14/BC-ĐDBQH ngày 14/03/2023 của Đoàn ĐBQH tỉnh)



STT	Tên quy chuẩn kỹ thuật	Ngày ban hành	Ghi chú
<b>I. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về năng lượng</b>			
1	- QCVN 09:2017/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả” - Thông tư số 15/2013/TT-BXD ngày 26/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	26/9/2013	15/11/2013
<b>II. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực điện</b>			
1	- Quy phạm trang bị điện Phần I Quy định chung 11 TCN-18-2006 của Bộ Công nghiệp. - Quyết định số 19/2006/QĐ-BCN ngày 11/7/2006 của Bộ Công Thương về việc ban hành Quy phạm trang bị điện	11/7/2006	Có hiệu lực sau 15 ngày từ ngày đăng Công báo
2	- Quy phạm trang bị điện Phần II Hệ thống đường dẫn điện 11 TCN-19-2006 của Bộ Công nghiệp - Quyết định số 19/2006/QĐ-BCN ngày 11/7/2006 của Bộ Công Thương về việc ban hành Quy phạm trang bị điện	11/7/2006	
3	- Quy phạm trang bị điện Phần III Trang bị phân phối và Trạm biến áp 11 TCN-20-2006 của Bộ Công nghiệp. - Quyết định số 19/2006/QĐ-BCN ngày 11/7/2006 của Bộ Công Thương về việc ban hành Quy phạm trang bị điện	11/7/2006	
4	- Quy phạm trang bị điện Phần IV Bảo vệ và tự động 11 TCN-21-2006 của Bộ Công nghiệp. - Quyết định số 19/2006/QĐ-BCN ngày 11/7/2006 của Bộ Công Thương về việc ban hành Quy phạm trang bị điện	11/7/2006	

5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN QTD-5: 2009/BCT về kỹ thuật điện - Tập 5: kiểm định trang thiết bị hệ thống điện do Bộ Công Thương ban hành</li> <li>- Thông tư số 40/2009/TT-BCT ngày 31/12/2009 của Bộ Công Thương về việc ban Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện</li> </ul>	31/12/2009	Có hiệu lực sau 45 ngày từ ngày đăng Công báo
6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện- Tập 6 Vận hành, sửa chữa trang thiết bị hệ thống điện - Ký hiệu: QCVN QTD-6: 2009/BCT do Bộ Công Thương ban hành</li> <li>- Thông tư số 40/2009/TT-BCT ngày 31/12/2009 của Bộ Công Thương về việc ban Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện</li> </ul>	31/12/2009	
7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện - Tập 7 Thi công các công trình điện - Ký hiệu: QCVN QTD-7: 2009/BCT do Bộ Công Thương ban hành.</li> <li>- Thông tư số 40/2009/TT-BCT ngày 31/12/2009 của Bộ Công Thương về việc ban Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện.</li> </ul>	31/12/2009	
8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- QCVN QTD - 8: 2011/BCT quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về kỹ thuật điện</li> <li>- Thông tư 04/2011/TT-BCT ngày 16/02/2011 của Bộ Công Thương Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện</li> </ul>	16/02/2011	01/4/2011
9	<ul style="list-style-type: none"> <li>- QCVN 01:2020/BCT quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn điện.</li> <li>- Thông tư số 39/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện</li> </ul>	30/11/2020	01/6/2021
<b>III Quy chuẩn kỹ thuật về lĩnh vực xăng dầu</b>			
1	QCVN 01: 2013/BCT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu	18/6/2013	01/8/2013
2	QCVN 10: 2015/BCT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu trên mặt nước	11/12/2015	01/7/2016
3	QCVN 02: 2019/BCT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trạm nạp khí dầu mỏ hóa lỏng	29/11/2019	30/5/2020
4	QCVN 01: 2020/BCT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu	15/6/2020	01/01/2021
<b>IV Quy chuẩn kỹ thuật về lĩnh vực xây dựng</b>			
1	Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6882:2016 Phụ khoáng cho xi măng		
2	Tiêu chuẩn quốc gia TCVN10302:2014 Phụ gia hoạt tính tro bay dùng cho bê tông, vữa và xi măng		

3	Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8825:2011 Phụ gia khoáng cho bê tông đầm lăn.	
4	Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12249:2018 Tro xi nhiệt điện làm vật liệu san lấp - Yêu cầu chung	
5	Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10379:2014 Gia cố đất bằng chất kết dính vô cơ, hóa chất hoặc gia cố tổng hợp sử dụng trong công trình đường bộ - Thi công và nghiệm thu	
6	Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7570:2006 Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	
7	Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9807: 2013 Thạch cao để sản xuất xi măng	
<b>V</b>	<b>Quy chuẩn kỹ thuật về lĩnh vực Môi trường</b>	
<b>V.1</b>	<b>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia</b>	
1	QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ	
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.	
3	QCVN 07:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại	
<b>Tổng</b>	<b>25 QCG</b>	
<b>V.2</b>	<b>Quy chuẩn kỹ thuật địa phương</b>	
1	QCĐP 01:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt	
2	QCĐP 02:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp	
<b>Tổng</b>	<b>02 QCĐP</b>	